BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VietLabs
Your Trusted Partner

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260724-067/7-V1/2

Ngày phát hành/ *Issue date* : 17/08/2026
Trang/ *Page* : 1/7

Tên khách hàng/ *Company*(1):	**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC HẬU GIANG**
Địa chỉ/ *Address*(1):	Số 46A, đường Ngô Quốc Trị, Khu Vực 9, Phường Vị Tân, Thành phố Cần Thơ
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*:	24/07/2026
Thời gian thử nghiệm/ *Testing period*:	24/07/2026 đến 10/08/2026
Tên mẫu/ *Sample Name*(1):	**NƯỚC SẠCH – NHÀ MÁY NƯỚC LONG MỸ - Địa chỉ: Số 33, đường 3/2, Khu vực 2, Phường Long Mỹ, Thành phố Cần Thơ**
Mô tả mẫu/ *Sample description*:	Mẫu chứa trong can nhựa/ *Sample in plastic cans.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *TEST RESULTS*
[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

Ghi chú/ *Notes*:
(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.*
(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of Laboratory

Phạm Lê Tiến Khánh

Tổng giám đốc
General Director

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS

Nguyễn Quốc Toàn

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260724-067/~~I-V1/2~~

Ngày phát hành/ *Issue date* : 17/08/2026
Trang/ *Page* : 2/7

Kết quả/ *result*

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
1.	Định lượng *Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus*	SMEWW 9213B:2023(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
2.	Định lượng *Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa*	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
3.	Hàm lượng Antimon (Sb)/ *Antimon (Sb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,0011	-	0,02
4.	Hàm lượng Bari (Ba)/*Barium content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,018	-	1,3
5.	Hàm lượng Boron (B)/ *Boron (B) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,039	-	2,4
6.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/*Cadmium (Cd) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,003
7.	Hàm lượng Chì (Pb)/ *Lead (Pb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
8.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/ *Mercury (Hg) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,001
9.	Hàm lượng Crom (Cr)/*Chromium (Cr) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,05
10.	Hàm lượng Đồng (Cu)/*Copper (Cu) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	1
11.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/ *Zinc (Zn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
12.	Hàm lượng Natri (Na)/ *Sodium (Na) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	28,3	-	200

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260724-067/7-V1/2

Ngày phát hành/ *Issue date* : 17/08/2026
Trang/ *Page* : 3/7

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
13.	Hàm lượng Nhôm (Al)/ *Aluminum (Al) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,07	0,2
14.	Hàm lượng Niken (Ni)/ *Nickel (Ni) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
15.	Hàm lượng Sắt (Fe)/ *Iron (Fe) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,3
16.	Hàm lượng Selen (Se)/*Selenium (Se) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,04
17.	Hàm lượng Clorua/ *Chloride content*	SMEWW 4500- Cl B:2023(a)	mg/L	84,3	-	250 (hoặc 300)
18.	Độ cứng/*Hardness*	SMEWW 2340C:2023(a)	$mgCaCO_3/l$	124	-	300
19.	Hàm lượng florua (F-)/ *Flouride (F-) content*	SMEWW 4500 (F-)-D:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5
20.	Hàm lượng Nitrat/ *Nitrate content*	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	11
21.	Hàm lượng Nitrit/*Nitrite content*	TCVN 6178:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,9
22.	Hàm lượng Sunfat (SO_4^{2-})/ *Sulfate content*	SMEWW 2- 4500 (SO4) - E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	12,5	250
23.	Hàm lượng Sunfua/*Sulfide content*	TCVN 6637:2000(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	250
24.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/ *Total Dissolved Solids (TDS)*	SMEWW 2540C:2023(a)	mg/L	299	-	1000
25.	Hàm lượng Cyanua tổng/ *Total cyanide content*	SMEWW 4500-CN— E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,05
26.	1,1,1-Trichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	2000
27.	1,2-Dichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
28.	1,2-Dicloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	50

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
29.	Tetrachlorocarbon	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	2	2
30.	Dichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
31.	Tetrachloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
32.	Trichloroethene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	8	8
33.	Vinyl clorua/Vinyl chloride	US EPA 8260D (s) (a)	µg/L	KPH/ND	0,07	0,3
34.	Benzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
35.	Ethylbenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
36.	Styrene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
37.	Toluene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	700
38.	Xylene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	500
39.	1,2-Dichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	1000
40.	Monochlorobenzene	VLAB-CH-TP-639 (a)	µg/L	KPH/ND	10	300
41.	Hexaclorobutadiene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
42.	1,2-Dibromo-3-Chloropropane	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
43.	1,2-Dichloropropane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
44.	1,3-Dichloropropene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
45.	Dichloprop	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
46.	Mecoprop	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01,	µg/L	KPH/ND	10	10

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
		BS EN 15662:2008)(a)				
47.	Hydroxyatrazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	10	200
48.	Cyanazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
49.	Bromodichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	60
50.	Bromoform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
51.	Chloroform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
52.	Dibromoacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	70
53.	Dibromochloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
54.	Dichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
55.	Dichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	50
56.	Monochloramine	TCVN 6225-2:2021 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	20	3000
57.	Monochloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	20
58.	Trichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	200
59.	Trichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
60.	Acrylamide	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,5
61.	Epichlorohydrin	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,4
62.	Isoproturon	VLAB-CH-TP-674	µg/L	KPH/ND	9	9

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
63.	Pentachlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	9
64.	Fenoprop	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	9	9
65.	MCPA (2-methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	2	2
66.	2,4-D	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
67.	2,4 DB	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	90
68.	Aldicarb	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
69.	Carbofuran	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	5	5
70.	Trichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
71.	Alachlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
72.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
73.	Chlorpyrifos	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
74.	Chlordane	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	0,2	0,2
75.	Chlorotoluron	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	10	30
76.	DDT và các dẫn xuất/*DDT and derivatives*	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	1	1
77.	Methoxychlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
78.	Molinate	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	6	6
79.	Pendimethalin	VLAB-CH-TP-614(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
80.	Permethrin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
81.	Propanil	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
82.	Simazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	2	2
83.	Trifluralin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
84.	2,4,6-Trichlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	200
85.	Bromate	HD.TN.406: 2023 (LC/MS/MS) (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 1,5	10
86.	Formaldehyde	QUATEST3 1225:2024 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	100	500
87.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 6053:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,02	0,1
88.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 6219:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,3	1,0

Ghi chú/ *Remark(s)*: Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ *For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.*

(*) Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT do khách hàng yêu cầu viện dẫn
Kết luận:

- Báo cáo kết quả thử nghiệm này có các chỉ tiêu phù hợp theo: QCVN 01-1:2024/BYT

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

D1

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260724-067/8-V1/2

Ngày phát hành/ *Issue date* : 17/08/2026
Trang/ *Page* : 1/7

Tên khách hàng/ *Company*(1):	**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC HẬU GIANG**
Địa chỉ/ *Address*(1):	Số 46A, đường Ngô Quốc Trị, Khu Vực 9, Phường Vị Tân, Thành phố Cần Thơ
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*:	24/07/2026
Thời gian thử nghiệm/ *Testing period*:	24/07/2026 đến 10/08/2026
Tên mẫu/ *Sample Name*(1):	**NƯỚC SẠCH – NHÀ MÁY NƯỚC LONG MỸ - Địa chỉ: Số 33, đường 3/2, Khu vực 2, Phường Long Mỹ, Thành phố Cần Thơ (Bưu điện khu vực Long Mỹ - Địa chỉ: Số 113 đường 30/4 - Khu vực 2, Phường Long Mỹ, Thành phố Cần Thơ)**
Mô tả mẫu/ *Sample description*:	Mẫu chứa trong can nhựa/ *Sample in plastic cans.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *TEST RESULTS*
[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

Ghi chú/ *Notes*:
(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.*
(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of Laboratory

Phạm Lê Tiến Khánh

Tổng giám đốc
General Director

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS

Nguyễn Quốc Toàn

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

M.S.D.N: 0316652523 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS - P. LONG TRƯỜNG - TP. HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

ilac-MRA VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260724-067/8-V1/2

Ngày phát hành/ *Issue date* : 17/08/2026
Trang/ *Page* : 2/7

Kết quả/ *result*

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
1.	Định lượng *Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus*	SMEWW 9213B:2023(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
2.	Định lượng *Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa*	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
3.	Hàm lượng Antimon (Sb)/ *Antimon (Sb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,0011	-	0,02
4.	Hàm lượng Bari (Ba)/*Barium content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,018	-	1,3
5.	Hàm lượng Boron (B)/ *Boron (B) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,045	-	2,4
6.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/*Cadmium (Cd) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,003
7.	Hàm lượng Chì (Pb)/ *Lead (Pb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
8.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/ *Mercury (Hg) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,001
9.	Hàm lượng Crom (Cr)/*Chromium (Cr) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,05
10.	Hàm lượng Đồng (Cu)/*Copper (Cu) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	1
11.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/ *Zinc (Zn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
12.	Hàm lượng Natri (Na)/ *Sodium (Na) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	28,4	-	200

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260724-067/8-V1/2

Ngày phát hành/ *Issue date* : 17/08/2026
Trang/ *Page* : 3/7

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
13.	Hàm lượng Nhôm (Al)/ *Aluminum (Al) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,07	0,2
14.	Hàm lượng Niken (Ni)/ *Nickel (Ni) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
15.	Hàm lượng Sắt (Fe)/ *Iron (Fe) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,3
16.	Hàm lượng Selen (Se)/*Selenium (Se) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,04
17.	Hàm lượng Clorua/ *Chloride content*	SMEWW 4500- Cl B:2023(a)	mg/L	81,8	-	250 (hoặc 300)
18.	Độ cứng/*Hardness*	SMEWW 2340C:2023(a)	$mgCaCO_3/l$	162	-	300
19.	Hàm lượng florua (F-)/ *Flouride (F-) content*	SMEWW 4500 (F-)-D:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5
20.	Hàm lượng Nitrat/ *Nitrate content*	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	11
21.	Hàm lượng Nitrit/*Nitrite content*	TCVN 6178:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,9
22.	Hàm lượng Sunfat (SO_4^{2-})/ *Sulfate content*	SMEWW 2- 4500 (SO4) - E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	12,5	250
23.	Hàm lượng Sunfua/*Sulfide content*	TCVN 6637:2000(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	250
24.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/ *Total Dissolved Solids (TDS)*	SMEWW 2540C:2023(a)	mg/L	297	-	1000
25.	Hàm lượng Cyanua tổng/ *Total cyanide content*	SMEWW 4500-CN— E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,05
26.	1,1,1-Trichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	2000
27.	1,2-Dichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
28.	1,2-Dicloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	50

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260724-067/8-V1/2

Ngày phát hành/ *Issue date* : 17/08/2026
Trang/ *Page* : 4/7

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
29.	Tetrachlorocarbon	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	2	2
30.	Dichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
31.	Tetrachloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
32.	Trichloroethene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	8	8
33.	Vinyl clorua/Vinyl chloride	US EPA 8260D (s) (a)	µg/L	KPH/ND	0,07	0,3
34.	Benzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
35.	Ethylbenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
36.	Styrene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
37.	Toluene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	700
38.	Xylene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	500
39.	1,2-Dichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	1000
40.	Monochlorobenzene	VLAB-CH-TP-639 (a)	µg/L	KPH/ND	10	300
41.	Hexaclorobutadiene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
42.	1,2-Dibromo-3-Chloropropane	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
43.	1,2-Dichloropropane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
44.	1,3-Dichloropropene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
45.	Dichloprop	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
46.	Mecoprop	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01,	µg/L	KPH/ND	10	10

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260724-067/8-V1/2

Ngày phát hành/ *Issue date* : 17/08/2026
Trang/ *Page* : 5/7

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
		BS EN 15662:2008)(a)				
47.	Hydroxyatrazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	10	200
48.	Cyanazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
49.	Bromodichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	60
50.	Bromoform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
51.	Chloroform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
52.	Dibromoacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	70
53.	Dibromochloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
54.	Dichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
55.	Dichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	50
56.	Monochloramine	TCVN 6225-2:2021 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	20	3000
57.	Monochloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	20
58.	Trichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	200
59.	Trichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
60.	Acrylamide	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,5
61.	Epichlorohydrin	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,4
62.	Isoproturon	VLAB-CH-TP-674	µg/L	KPH/ND	9	9

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260724-067/8-V1/2

Ngày phát hành/ *Issue date* : 17/08/2026
Trang/ *Page* : 6/7

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
63.	Pentachlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	9
64.	Fenoprop	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	9	9
65.	MCPA (2-methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	2	2
66.	2,4-D	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
67.	2,4 DB	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	90
68.	Aldicarb	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
69.	Carbofuran	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	5	5
70.	Trichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
71.	Alachlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
72.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
73.	Chlorpyrifos	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
74.	Chlordane	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	0,2	0,2
75.	Chlorotoluron	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	10	30
76.	DDT và các dẫn xuất/*DDT and derivatives*	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	1	1
77.	Methoxychlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
78.	Molinate	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	6	6
79.	Pendimethalin	VLAB-CH-TP-614(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
80.	Permethrin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
81.	Propanil	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
82.	Simazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	2	2
83.	Trifluralin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
84.	2,4,6-Trichlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	200
85.	Bromate	HD.TN.406: 2023 (LC/MS/MS) (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 1,5	10
86.	Formaldehyde	QUATEST3 1225:2024 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	100	500
87.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 6053:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,02	0,1
88.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 6219:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,3	1,0

Ghi chú/ *Remark(s)*: Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ *For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.*

(*) Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT do khách hàng yêu cầu viện dẫn

Kết luận:

- Báo cáo kết quả thử nghiệm này có các chỉ tiêu phù hợp theo: QCVN 01-1:2024/BYT

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

VALAS 160

VietLabs
Your Trusted Partner

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

G1

VietLabs
Your Trusted Partner

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260724-067/4

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 1/7

Tên khách hàng/ *Company*(1):	**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC HẬU GIANG**
Địa chỉ/ *Address*(1):	Số 46A, đường Ngô Quốc Trị, Khu Vực 9, Phường Vị Tân, Thành phố Cần Thơ
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*:	24/07/2026
Thời gian thử nghiệm/ *Testing period*:	24/07/2026 đến 10/08/2026
Tên mẫu/ *Sample Name*(1):	**NƯỚC SẠCH - TRẠM CẤP NƯỚC LƯƠNG TÂM - Địa chỉ: Ấp 3, Xã Lương Tâm, Thành phố Cần Thơ**
Mô tả mẫu/ *Sample description*:	Mẫu chứa trong can nhựa/ *Sample in plastic cans.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *TEST RESULTS*
[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

Ghi chú/ *Notes*:
(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.*
(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of Laboratory

Phạm Lê Tiến Khánh

Tổng giám đốc
General Director

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS

Nguyễn Quốc Toàn

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260724-067/4

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 2/7

Kết quả/ *result*

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
1.	Định lượng *Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus*	SMEWW 9213B:2023(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
2.	Định lượng *Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa*	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
3.	Hàm lượng Antimon (Sb)/ *Antimon (Sb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,02
4.	Hàm lượng Bari (Ba)/*Barium content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,01	1,3
5.	Hàm lượng Boron (B)/ *Boron (B) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,006	2,4
6.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/*Cadmium (Cd) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,0029	-	0,003
7.	Hàm lượng Chì (Pb)/ *Lead (Pb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
8.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/ *Mercury (Hg) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,001
9.	Hàm lượng Crom (Cr)/*Chromium (Cr) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,05
10.	Hàm lượng Đồng (Cu)/*Copper (Cu) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	1
11.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/ *Zinc (Zn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
12.	Hàm lượng Natri (Na)/ *Sodium (Na) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	108	-	200

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260724-067/4

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 3/7

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
13.	Hàm lượng Mangan (Mn)/*Manganese (Mn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,05	0,1
14.	Hàm lượng Nhôm (Al)/ *Aluminum (Al) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,07	0,2
15.	Hàm lượng Niken (Ni)/ *Nickel (Ni) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
16.	Hàm lượng Sắt (Fe)/ *Iron (Fe) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,3
17.	Hàm lượng Selen (Se)/*Selenium (Se) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,0035	-	0,04
18.	Hàm lượng Clorua/ *Chloride content*	SMEWW 4500- Cl B:2023(a)	mg/L	21,3	-	250 (hoặc 300)
19.	Độ cứng/*Hardness*	SMEWW 2340C:2023(a)	$mgCaCO_3/l$	144	-	300
20.	Hàm lượng florua (F-)/ *Flouride (F-) content*	SMEWW 4500 (F-)-D:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5
21.	Hàm lượng Nitrat/ *Nitrate content*	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	11
22.	Hàm lượng Nitrit/*Nitrite content*	TCVN 6178:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,9
23.	Hàm lượng Sunfat (SO_4^{2-})/ *Sulfate content*	SMEWW 2- 4500 (SO4) - E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	12,5	250
24.	Hàm lượng Sunfua/*Sulfide content*	TCVN 6637:2000(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	250
25.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/ *Total Dissolved Solids (TDS)*	SMEWW 2540C:2023(a)	mg/L	480	-	1000
26.	Hàm lượng Cyanua tổng/ *Total cyanide content*	SMEWW 4500-CN— E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,05
27.	1,1,1-Trichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	2000
28.	1,2-Dichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	30

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260724-0671/4

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 4/7

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
29.	1,2-Dicloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	50
30.	Tetrachlorocarbon	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	2	2
31.	Dichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
32.	Tetrachloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
33.	Trichloroethene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	8	8
34.	Vinyl clorua/Vinyl chloride	US EPA 8260D (s) (a)	µg/L	KPH/ND	0,07	0,3
35.	Benzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
36.	Ethylbenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
37.	Styrene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
38.	Toluene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	700
39.	Xylene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	500
40.	1,2-Dichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	1000
41.	Monochlorobenzene	VLAB-CH-TP-639 (a)	µg/L	KPH/ND	10	300
42.	Hexaclorobutadiene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
43.	1,2-Dibromo-3-Chloropropane	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
44.	1,2-Dichloropropane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
45.	1,3-Dichloropropene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
46.	Dichloprop	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	100

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260724-067/4

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 5/7

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
47.	Mecoprop	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
48.	Hydroxyatrazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	10	200
49.	Cyanazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
50.	Bromodichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	60
51.	Bromoform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
52.	Chloroform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
53.	Dibromoacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	70
54.	Dibromochloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
55.	Dichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
56.	Dichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	50
57.	Monochloramine	TCVN 6225-2:2021 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	20	3000
58.	Monochloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	20
59.	Trichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	200
60.	Trichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
61.	Acrylamide	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,5
62.	Epichlorohydrin	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,4
63.	Isoproturon	VLAB-CH-TP-674	µg/L	KPH/ND	9	9

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260724-067/4

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 6/7

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
64.	Pentachlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	9
65.	Fenoprop	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	9	9
66.	MCPA (2-methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	2	2
67.	2,4-D	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
68.	2,4 DB	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	90
69.	Aldicarb	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
70.	Carbofuran	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	5	5
71.	Trichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
72.	Alachlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
73.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
74.	Chlorpyrifos	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
75.	Chlordane	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	0,2	0,2
76.	Chlorotoluron	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	10	30
77.	DDT và các dẫn xuất/*DDT and derivatives*	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	1	1
78.	Methoxychlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
79.	Molinate	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	6	6
80.	Pendimethalin	VLAB-CH-TP-614(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
81.	Permethrin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
82.	Propanil	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
83.	Simazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	2	2
84.	Trifluralin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
85.	2,4,6-Trichlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	200
86.	Bromate	HD.TN.406: 2023 (LC/MS/MS) (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 1,5	10
87.	Formaldehyde	QUATEST3 1225:2024 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	100	500
88.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 6053:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,02	0,1
89.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 6219:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,3	1,0

Ghi chú/ *Remark(s)*: Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ *For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.*

(*) Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT do khách hàng yêu cầu viện dẫn
Kết luận: Báo cáo kết quả thử nghiệm này có các chỉ tiêu đã phù hợp theo: QCVN 01-1:2024/BYT

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

E1

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VietLabs
Your Trusted Partner

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260724-067/5

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 1/7

Tên khách hàng/ *Company*(1):	**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC HẬU GIANG**
Địa chỉ/ *Address*(1):	Số 46A, đường Ngô Quốc Trị, Khu Vực 9, Phường Vị Tân, Thành phố Cần Thơ
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*:	24/07/2026
Thời gian thử nghiệm/ *Testing period*:	24/07/2026 đến 10/08/2026
Tên mẫu/ *Sample Name*(1):	**NƯỚC SẠCH - TRẠM CẤP NƯỚC LƯƠNG TÂM - Địa chỉ: Ấp 3,Xã Lương Tâm, Thành phố Cần Thơ (Hộ dân: Nguyễn Văn Lu – Địa chỉ: Ấp 3, Xã Lương Tâm, Thành phố Cần Thơ)**
Mô tả mẫu/ *Sample description*:	Mẫu chứa trong can nhựa/ *Sample in plastic cans.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *TEST RESULTS*
[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

Ghi chú/ *Notes*:
(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.*
(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of Laboratory

Phạm Lê Tiến Khánh

Tổng giám đốc
General Director

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS

Nguyễn Quốc Toàn

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

E2

VietLabs
Your Trusted Partner

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260724-067/5

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 2/7

Kết quả/ *result*

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
1.	Định lượng *Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus*	SMEWW 9213B:2023(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
2.	Định lượng *Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa*	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
3.	Hàm lượng Antimon (Sb)/ *Antimon (Sb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,02
4.	Hàm lượng Bari (Ba)/*Barium content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,01	1,3
5.	Hàm lượng Boron (B)/ *Boron (B) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,006	2,4
6.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/*Cadmium (Cd) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,003
7.	Hàm lượng Chì (Pb)/ *Lead (Pb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
8.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/ *Mercury (Hg) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,001
9.	Hàm lượng Crom (Cr)/*Chromium (Cr) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,05
10.	Hàm lượng Đồng (Cu)/*Copper (Cu) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	1
11.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/ *Zinc (Zn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
12.	Hàm lượng Natri (Na)/ *Sodium (Na) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	111	-	200

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260724-067/5

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 3/7

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
13.	Hàm lượng Mangan (Mn)/*Manganese (Mn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,05	0,1
14.	Hàm lượng Nhôm (Al)/ *Aluminum (Al) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,07	0,2
15.	Hàm lượng Niken (Ni)/ *Nickel (Ni) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
16.	Hàm lượng Sắt (Fe)/ *Iron (Fe) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,3
17.	Hàm lượng Selen (Se)/*Selenium (Se) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,0015	-	0,04
18.	Hàm lượng Clorua/ *Chloride content*	SMEWW 4500- Cl B:2023(a)	mg/L	20,2	-	250 (hoặc 300)
19.	Độ cứng/*Hardness*	SMEWW 2340C:2023(a)	$mgCaCO_3/l$	146	-	300
20.	Hàm lượng florua (F-)/ *Flouride (F-) content*	SMEWW 4500 (F-)-D:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5
21.	Hàm lượng Nitrat/ *Nitrate content*	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	11
22.	Hàm lượng Nitrit/*Nitrite content*	TCVN 6178:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,9
23.	Hàm lượng Sunfat (SO_4^{2-})/ *Sulfate content*	SMEWW 2- 4500 (SO4) - E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	12,5	250
24.	Hàm lượng Sunfua/*Sulfide content*	TCVN 6637:2000(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	250
25.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/ *Total Dissolved Solids (TDS)*	SMEWW 2540C:2023(a)	mg/L	480	-	1000
26.	Hàm lượng Cyanua tổng/ *Total cyanide content*	SMEWW 4500-CN— E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,05
27.	1,1,1-Trichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	2000
28.	1,2-Dichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	30

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260724-067/5

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 4/7

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
29.	1,2-Dicloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	50
30.	Tetrachlorocarbon	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	2	2
31.	Dichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
32.	Tetrachloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
33.	Trichloroethene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	8	8
34.	Vinyl clorua/Vinyl chloride	US EPA 8260D (s) (a)	µg/L	KPH/ND	0,07	0,3
35.	Benzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
36.	Ethylbenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
37.	Styrene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
38.	Toluene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	700
39.	Xylene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	500
40.	1,2-Dichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	1000
41.	Monochlorobenzene	VLAB-CH-TP-639 (a)	µg/L	KPH/ND	10	300
42.	Hexaclorobutadiene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
43.	1,2-Dibromo-3-Chloropropane	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
44.	1,2-Dichloropropane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
45.	1,3-Dichloropropene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
46.	Dichloprop	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	100

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260724-067/5

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 5/7

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
47.	Mecoprop	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
48.	Hydroxyatrazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	10	200
49.	Cyanazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
50.	Bromodichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	60
51.	Bromoform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
52.	Chloroform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
53.	Dibromoacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	70
54.	Dibromochloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
55.	Dichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
56.	Dichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	50
57.	Monochloramine	TCVN 6225-2:2021 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	20	3000
58.	Monochloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	20
59.	Trichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	200
60.	Trichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
61.	Acrylamide	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,5
62.	Epichlorohydrin	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,4
63.	Isoproturon	VLAB-CH-TP-674	µg/L	KPH/ND	9	9

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260724-067/5

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 6/7

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
64.	Pentachlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	9
65.	Fenoprop	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	9	9
66.	MCPA (2-methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	2	2
67.	2,4-D	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
68.	2,4 DB	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	90
69.	Aldicarb	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
70.	Carbofuran	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	5	5
71.	Trichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
72.	Alachlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
73.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
74.	Chlorpyrifos	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
75.	Chlordane	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	0,2	0,2
76.	Chlorotoluron	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	10	30
77.	DDT và các dẫn xuất/*DDT and derivatives*	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	1	1
78.	Methoxychlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ *No.*: VLAB0-260724-067/5

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 7/7

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
79.	Molinate	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	6	6
80.	Pendimethalin	VLAB-CH-TP-614(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
81.	Permethrin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
82.	Propanil	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
83.	Simazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	2	2
84.	Trifluralin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
85.	2,4,6-Trichlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	200
86.	Bromate	HD.TN.406: 2023 (LC/MS/MS) (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 1,5	10
87.	Formaldehyde	QUATEST3 1225:2024 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	100	500
88.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 6053:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,02	0,1
89.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 6219:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,3	1,0

Ghi chú/ *Remark(s)*: Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ *For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.*

(*) Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT do khách hàng yêu cầu viện dẫn
Kết luận: Báo cáo kết quả thử nghiệm này có các chỉ tiêu đã phù hợp theo: QCVN 01-1:2024/BYT

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VietLabs
Your Trusted Partner

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260724-067/6

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 1/7

Tên khách hàng/ *Company*(1):	**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC HẬU GIANG**
Địa chỉ/ *Address*(1):	Số 46A, đường Ngô Quốc Trị, Khu Vực 9, Phường Vị Tân, Thành phố Cần Thơ
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*:	24/07/2026
Thời gian thử nghiệm/ *Testing period*:	24/07/2026 đến 10/08/2026
Tên mẫu/ *Sample Name*(1):	**NƯỚC SẠCH - TRẠM CẤP NƯỚC LƯƠNG TÂM - Địa chỉ: Ấp 3, Xã Lương Tâm, Thành phố Cần Thơ (Hộ dân: Trần Văn Út Em – Địa chỉ: Ấp 3, Xã Lương Tâm, Thành phố Cần Thơ)**
Mô tả mẫu/ *Sample description*:	Mẫu chứa trong can nhựa/ *Sample in plastic cans.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *TEST RESULTS*
[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

Ghi chú/ *Notes*:
(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.*
(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of Laboratory

Phạm Lê Tiến Khánh

Tổng giám đốc
General Director

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS

Nguyễn Quốc Toàn

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Kết quả/ *result*

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
1.	Định lượng *Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus*	SMEWW 9213B:2023(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
2.	Định lượng *Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa*	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
3.	Hàm lượng Antimon (Sb)/ *Antimon (Sb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,02
4.	Hàm lượng Bari (Ba)/*Barium content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,01	1,3
5.	Hàm lượng Boron (B)/ *Boron (B) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,006	2,4
6.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/*Cadmium (Cd) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,003
7.	Hàm lượng Chì (Pb)/ *Lead (Pb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
8.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/ *Mercury (Hg) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,001
9.	Hàm lượng Crom (Cr)/*Chromium (Cr) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,05
10.	Hàm lượng Đồng (Cu)/*Copper (Cu) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	1
11.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/ *Zinc (Zn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
12.	Hàm lượng Natri (Na)/ *Sodium (Na) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	113	-	200

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
13.	Hàm lượng Mangan (Mn)/*Manganese (Mn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,05	0,1
14.	Hàm lượng Nhôm (Al)/ *Aluminum (Al) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,07	0,2
15.	Hàm lượng Niken (Ni)/ *Nickel (Ni) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
16.	Hàm lượng Sắt (Fe)/ *Iron (Fe) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,3
17.	Hàm lượng Selen (Se)/*Selenium (Se) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,0016	-	0,04
18.	Hàm lượng Clorua/ *Chloride content*	SMEWW 4500- Cl B:2023(a)	mg/L	18,1	-	250 (hoặc 300)
19.	Độ cứng/*Hardness*	SMEWW 2340C:2023(a)	$mgCaCO_3/l$	150	-	300
20.	Hàm lượng florua (F-)/ *Flouride (F-) content*	SMEWW 4500 (F-)-D:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5
21.	Hàm lượng Nitrat/ *Nitrate content*	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	11
22.	Hàm lượng Nitrit/*Nitrite content*	TCVN 6178:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,9
23.	Hàm lượng Sunfat (SO_4^{2-})/ *Sulfate content*	SMEWW 2- 4500 (SO4) - E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	12,5	250
24.	Hàm lượng Sunfua/*Sulfide content*	TCVN 6637:2000(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	250
25.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/ *Total Dissolved Solids (TDS)*	SMEWW 2540C:2023(a)	mg/L	482	-	1000
26.	Hàm lượng Cyanua tổng/ *Total cyanide content*	SMEWW 4500-CN— E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,05
27.	1,1,1-Trichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	2000
28.	1,2-Dichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	30

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
29.	1,2-Dicloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	50
30.	Tetrachlorocarbon	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	2	2
31.	Dichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
32.	Tetrachloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
33.	Trichloroethene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	8	8
34.	Vinyl clorua/Vinyl chloride	US EPA 8260D (s) (a)	µg/L	KPH/ND	0,07	0,3
35.	Benzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
36.	Ethylbenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
37.	Styrene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
38.	Toluene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	700
39.	Xylene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	500
40.	1,2-Dichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	1000
41.	Monochlorobenzene	VLAB-CH-TP-639 (a)	µg/L	KPH/ND	10	300
42.	Hexaclorobutadiene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
43.	1,2-Dibromo-3-Chloropropane	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
44.	1,2-Dichloropropane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
45.	1,3-Dichloropropene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
46.	Dichloprop	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	100

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
47.	Mecoprop	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
48.	Hydroxyatrazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	10	200
49.	Cyanazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
50.	Bromodichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	60
51.	Bromoform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
52.	Chloroform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
53.	Dibromoacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	70
54.	Dibromochloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
55.	Dichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
56.	Dichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	50
57.	Monochloramine	TCVN 6225-2:2021 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	20	3000
58.	Monochloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	20
59.	Trichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	200
60.	Trichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
61.	Acrylamide	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,5
62.	Epichlorohydrin	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,4
63.	Isoproturon	VLAB-CH-TP-674	µg/L	KPH/ND	9	9

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
64.	Pentachlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	9
65.	Fenoprop	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	9	9
66.	MCPA (2-methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	2	2
67.	2,4-D	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
68.	2,4 DB	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	90
69.	Aldicarb	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
70.	Carbofuran	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	5	5
71.	Trichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
72.	Alachlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
73.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
74.	Chlorpyrifos	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
75.	Chlordane	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	0,2	0,2
76.	Chlorotoluron	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	10	30
77.	DDT và các dẫn xuất/*DDT and derivatives*	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	1	1
78.	Methoxychlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
79.	Molinate	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	6	6
80.	Pendimethalin	VLAB-CH-TP-614(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
81.	Permethrin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
82.	Propanil	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
83.	Simazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	2	2
84.	Trifluralin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
85.	2,4,6-Trichlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	200
86.	Bromate	HD.TN.406: 2023 (LC/MS/MS) (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 1,5	10
87.	Formaldehyde	QUATEST3 1225:2024 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	100	500
88.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 6053:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,02	0,1
89.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 6219:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,3	1,0

Ghi chú/ *Remark(s)*: Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ *For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.*

(*) Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT do khách hàng yêu cầu viện dẫn
Kết luận: Báo cáo kết quả thử nghiệm này có các chỉ tiêu đã phù hợp theo: QCVN 01-1:2024/BYT

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VietLabs
Your Trusted Partner

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260724-067/1

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 1/7

Tên khách hàng/ *Company*(1):	**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC HẬU GIANG**
Địa chỉ/ *Address*(1):	Số 46A, đường Ngô Quốc Trị, Khu Vực 9, Phường Vị Tân, Thành phố Cần Thơ
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*:	24/07/2026
Thời gian thử nghiệm/ *Testing period*:	24/07/2026 đến 10/08/2026
Tên mẫu/ *Sample Name*(1):	**NƯỚC SẠCH - NHÀ MÁY NƯỚC VỊ THANH - Địa chỉ: Số 46A, đường Ngô Quốc Trị, KV9, Phường Vị Tân, Thành phố Cần Thơ**
Mô tả mẫu/ *Sample description*:	Mẫu chứa trong can nhựa/ *Sample in plastic cans.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *TEST RESULTS*
[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

Ghi chú/ *Notes*:
(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.*
(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of Laboratory

Phạm Lê Tiến Khánh

Tổng giám đốc
General Director

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS

Nguyễn Quốc Toàn

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/ *No.*: VLAB0-260724-067/1

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 2/7

Kết quả/ *result*

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
1.	Định lượng *Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus*	SMEWW 9213B:2023(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
2.	Định lượng *Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa*	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
3.	Hàm lượng Antimon (Sb)/ *Antimon (Sb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,02
4.	Hàm lượng Bari (Ba)/*Barium content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,01	1,3
5.	Hàm lượng Boron (B)/ *Boron (B) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,006	2,4
6.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/*Cadmium (Cd) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,003
7.	Hàm lượng Chì (Pb)/ *Lead (Pb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
8.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/ *Mercury (Hg) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,001
9.	Hàm lượng Crom (Cr)/*Chromium (Cr) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,05
10.	Hàm lượng Đồng (Cu)/*Copper (Cu) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	1
11.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/ *Zinc (Zn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
12.	Hàm lượng Natri (Na)/ *Sodium (Na) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	21,7	-	200

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
13.	Hàm lượng Mangan (Mn)/*Manganese (Mn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,05	0,1
14.	Hàm lượng Nhôm (Al)/ *Aluminum (Al) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,07	0,2
15.	Hàm lượng Niken (Ni)/ *Nickel (Ni) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
16.	Hàm lượng Sắt (Fe)/ *Iron (Fe) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,3
17.	Hàm lượng Selen (Se)/*Selenium (Se) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,0017	-	0,04
18.	Hàm lượng Clorua/ *Chloride content*	SMEWW 4500- Cl B:2023(a)	mg/L	58,8	-	250 (hoặc 300)
19.	Độ cứng/*Hardness*	SMEWW 2340C:2023(a)	$mgCaCO_3/l$	118	-	300
20.	Hàm lượng florua (F-)/ *Flouride (F-) content*	SMEWW 4500 (F-)-D:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5
21.	Hàm lượng Nitrat/ *Nitrate content*	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	11
22.	Hàm lượng Nitrit/*Nitrite content*	TCVN 6178:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,9
23.	Hàm lượng Sunfat (SO_4^{2-})/ *Sulfate content*	SMEWW 2- 4500 (SO4) - E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	12,5	250
24.	Hàm lượng Sunfua/*Sulfide content*	TCVN 6637:2000(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	250
25.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/ *Total Dissolved Solids (TDS)*	SMEWW 2540C:2023(a)	mg/L	259	-	1000
26.	Hàm lượng Cyanua tổng/ *Total cyanide content*	SMEWW 4500-CN— E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,05
27.	1,1,1-Trichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	2000
28.	1,2-Dichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	30

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
29.	1,2-Dicloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	50
30.	Tetrachlorocarbon	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	2	2
31.	Dichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
32.	Tetrachloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
33.	Trichloroethene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	8	8
34.	Vinyl clorua/Vinyl chloride	US EPA 8260D (s) (a)	µg/L	KPH/ND	0,07	0,3
35.	Benzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
36.	Ethylbenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
37.	Styrene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
38.	Toluene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	700
39.	Xylene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	500
40.	1,2-Dichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	1000
41.	Monochlorobenzene	VLAB-CH-TP-639 (a)	µg/L	KPH/ND	10	300
42.	Hexaclorobutadiene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
43.	1,2-Dibromo-3-Chloropropane	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
44.	1,2-Dichloropropane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
45.	1,3-Dichloropropene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
46.	Dichloprop	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	100

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ *No.*: VLAB0-260724-067/1

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 5/7

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
47.	Mecoprop	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
48.	Hydroxyatrazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	10	200
49.	Cyanazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
50.	Bromodichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	60
51.	Bromoform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
52.	Chloroform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
53.	Dibromoacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	70
54.	Dibromochloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
55.	Dichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
56.	Dichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	50
57.	Monochloramine	TCVN 6225-2:2021 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	20	3000
58.	Monochloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	20
59.	Trichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	200
60.	Trichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
61.	Acrylamide	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,5
62.	Epichlorohydrin	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,4
63.	Isoproturon	VLAB-CH-TP-674	µg/L	KPH/ND	9	9

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
64.	Pentachlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	9
65.	Fenoprop	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	9	9
66.	MCPA (2-methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	2	2
67.	2,4-D	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
68.	2,4 DB	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	90
69.	Aldicarb	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
70.	Carbofuran	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	5	5
71.	Trichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
72.	Alachlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
73.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
74.	Chlorpyrifos	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
75.	Chlordane	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	0,2	0,2
76.	Chlorotoluron	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	10	30
77.	DDT và các dẫn xuất/*DDT and derivatives*	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	1	1
78.	Methoxychlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
79.	Molinate	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	6	6
80.	Pendimethalin	VLAB-CH-TP-614(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
81.	Permethrin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
82.	Propanil	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
83.	Simazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	2	2
84.	Trifluralin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
85.	2,4,6-Trichlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	200
86.	Bromate	HD.TN.406: 2023 (LC/MS/MS) (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 1,5	10
87.	Formaldehyde	QUATEST3 1225:2024 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	100	500
88.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 6053:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,02	0,1
89.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 6219:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,3	1,0

Ghi chú/ *Remark(s)*: Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ *For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.*

(*) Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT do khách hàng yêu cầu viện dẫn
Kết luận: Báo cáo kết quả thử nghiệm này có các chỉ tiêu đã phù hợp theo: QCVN 01-1:2024/BYT

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VietLabs
Your Trusted Partner

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260724-067/2

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 1/7

Tên khách hàng/ *Company*(1):	**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC HẬU GIANG**
Địa chỉ/ *Address*(1):	Số 46A, đường Ngô Quốc Trị, Khu Vực 9, Phường Vị Tân, Thành phố Cần Thơ
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*:	24/07/2026
Thời gian thử nghiệm/ *Testing period*:	24/07/2026 đến 10/08/2026
Tên mẫu/ *Sample Name*(1):	**NƯỚC SẠCH - NHÀ MÁY NƯỚC VỊ THANH - Địa chỉ: Số 46A, đường Ngô Quốc Trị, KV9, Phường Vị Tân, Thành phố Cần Thơ (Hộ dân: Trần Thị Kim Sương – Địa chỉ: Số 52A, đường Ngô Quốc Trị, KV9, Phường Vị Tân, Thành phố Cần Thơ)**
Mô tả mẫu/ *Sample description*:	Mẫu chứa trong can nhựa/ *Sample in plastic cans.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *TEST RESULTS*
[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

Ghi chú/ *Notes*:
(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.*
(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of Laboratory

Phạm Lê Tiến Khánh

Tổng giám đốc
General Director

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS

Nguyễn Quốc Toàn

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Kết quả/ *result*

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
1.	Định lượng *Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus*	SMEWW 9213B:2023(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
2.	Định lượng *Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa*	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
3.	Hàm lượng Antimon (Sb)/ *Antimon (Sb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,0016	-	0,02
4.	Hàm lượng Bari (Ba)/*Barium content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,031	-	1,3
5.	Hàm lượng Boron (B)/ *Boron (B) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,059	-	2,4
6.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/*Cadmium (Cd) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,003
7.	Hàm lượng Chì (Pb)/ *Lead (Pb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
8.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/ *Mercury (Hg) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,001
9.	Hàm lượng Crom (Cr)/*Chromium (Cr) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,05
10.	Hàm lượng Đồng (Cu)/*Copper (Cu) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	1
11.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/ *Zinc (Zn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
12.	Hàm lượng Natri (Na)/ *Sodium (Na) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	22	-	200

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
13.	Hàm lượng Mangan (Mn)/*Manganese (Mn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,05	0,1
14.	Hàm lượng Nhôm (Al)/ *Aluminum (Al) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,07	0,2
15.	Hàm lượng Niken (Ni)/ *Nickel (Ni) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
16.	Hàm lượng Sắt (Fe)/ *Iron (Fe) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,3
17.	Hàm lượng Selen (Se)/*Selenium (Se) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,04
18.	Hàm lượng Clorua/ *Chloride content*	SMEWW 4500- Cl B:2023(a)	mg/L	60,2	-	250 (hoặc 300)
19.	Độ cứng/*Hardness*	SMEWW 2340C:2023(a)	$mgCaCO_3/l$	120	-	300
20.	Hàm lượng florua (F-)/ *Flouride (F-) content*	SMEWW 4500 (F-)-D:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5
21.	Hàm lượng Nitrat/ *Nitrate content*	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	11
22.	Hàm lượng Nitrit/*Nitrite content*	TCVN 6178:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,9
23.	Hàm lượng Sunfat (SO_4^{2-})/ *Sulfate content*	SMEWW 2- 4500 (SO4) - E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	12,5	250
24.	Hàm lượng Sunfua/*Sulfide content*	TCVN 6637:2000(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	250
25.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/ *Total Dissolved Solids (TDS)*	SMEWW 2540C:2023(a)	mg/L	260	-	1000
26.	Hàm lượng Cyanua tổng/ *Total cyanide content*	SMEWW 4500-CN— E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,05
27.	1,1,1-Trichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	2000
28.	1,2-Dichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	30

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
29.	1,2-Dicloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	50
30.	Tetrachlorocarbon	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	2	2
31.	Dichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
32.	Tetrachloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
33.	Trichloroethene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	8	8
34.	Vinyl clorua/Vinyl chloride	US EPA 8260D (s) (a)	µg/L	KPH/ND	0,07	0,3
35.	Benzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
36.	Ethylbenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
37.	Styrene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
38.	Toluene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	700
39.	Xylene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	500
40.	1,2-Dichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	1000
41.	Monochlorobenzene	VLAB-CH-TP-639 (a)	µg/L	KPH/ND	10	300
42.	Hexaclorobutadiene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
43.	1,2-Dibromo-3-Chloropropane	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
44.	1,2-Dichloropropane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
45.	1,3-Dichloropropene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
46.	Dichloprop	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	100

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
47.	Mecoprop	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
48.	Hydroxyatrazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	10	200
49.	Cyanazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
50.	Bromodichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	60
51.	Bromoform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
52.	Chloroform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
53.	Dibromoacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	70
54.	Dibromochloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
55.	Dichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
56.	Dichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	50
57.	Monochloramine	TCVN 6225-2:2021 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	20	3000
58.	Monochloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	20
59.	Trichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	200
60.	Trichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
61.	Acrylamide	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,5
62.	Epichlorohydrin	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,4
63.	Isoproturon	VLAB-CH-TP-674	µg/L	KPH/ND	9	9

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
64.	Pentachlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	9
65.	Fenoprop	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	9	9
66.	MCPA (2-methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	2	2
67.	2,4-D	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
68.	2,4 DB	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	90
69.	Aldicarb	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
70.	Carbofuran	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	5	5
71.	Trichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
72.	Alachlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
73.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
74.	Chlorpyrifos	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
75.	Chlordane	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	0,2	0,2
76.	Chlorotoluron	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	10	30
77.	DDT và các dẫn xuất/*DDT and derivatives*	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	1	1
78.	Methoxychlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ *No.*: VLAB0-260724-067/2

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 7/7

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
79.	Molinate	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	6	6
80.	Pendimethalin	VLAB-CH-TP-614(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
81.	Permethrin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
82.	Propanil	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
83.	Simazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	2	2
84.	Trifluralin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
85.	2,4,6-Trichlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	200
86.	Bromate	HD.TN.406: 2023 (LC/MS/MS) (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 1,5	10
87.	Formaldehyde	QUATEST3 1225:2024 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	100	500
88.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 6053:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,02	0,1
89.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 6219:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,3	1,0

Ghi chú/ *Remark(s)*: Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ *For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.*

(*) Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT do khách hàng yêu cầu viện dẫn
Kết luận: Báo cáo kết quả thử nghiệm này có các chỉ tiêu đã phù hợp theo: QCVN 01-1:2024/BYT

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh	Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh *62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City*
Can Tho	Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ *LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City*
Bac Lieu	Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau *479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province*
Ca Mau	Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau *214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province*

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VietLabs
Your Trusted Partner

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260724-067/3-V1/2

Ngày phát hành/ *Issue date* : 17/08/2026
Trang/ *Page* : 1/7

Tên khách hàng/ *Company*(1):	**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC HẬU GIANG**
Địa chỉ/ *Address*(1):	Số 46A, đường Ngô Quốc Trị, Khu Vực 9, Phường Vị Tân, Thành phố Cần Thơ
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*:	24/07/2026
Thời gian thử nghiệm/ *Testing period*:	24/07/2026 đến 10/08/2026
Tên mẫu/ *Sample Name*(1):	**NƯỚC SẠCH - NHÀ MÁY NƯỚC VỊ THANH - Địa chỉ: Số 46A, đường Ngô Quốc Trị, KV9, Phường Vị Tân, Thành phố Cần Thơ (Hộ dân: Trần Văn Đức – Địa chỉ: Số 1/22, đường Lê Thị Hồng Gấm, KV3, Phường Vị Tân, Thành phố Cần Thơ)**
Mô tả mẫu/ *Sample description*:	Mẫu chứa trong can nhựa/ *Sample in plastic cans.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *TEST RESULTS*
[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

Ghi chú/ *Notes*:
(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.*
(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of Laboratory

Phạm Lê Tiến Khánh

Tổng giám đốc
General Director

M.S.D.N: 0316652523 CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS P. LONG TRƯỜNG - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Quốc Toàn

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Kết quả/ *result*

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
1.	Định lượng *Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus*	SMEWW 9213B:2023(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
2.	Định lượng *Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa*	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
3.	Hàm lượng Antimon (Sb)/ *Antimon (Sb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,02
4.	Hàm lượng Bari (Ba)/*Barium content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,01	1,3
5.	Hàm lượng Boron (B)/ *Boron (B) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,006	2,4
6.	Hàm lượng Chì (Pb)/ *Lead (Pb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
7.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/ *Mercury (Hg) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,001
8.	Hàm lượng Crom (Cr)/*Chromium (Cr) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,05
9.	Hàm lượng Đồng (Cu)/*Copper (Cu) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	1
10.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/ *Zinc (Zn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
11.	Hàm lượng Natri (Na)/ *Sodium (Na) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	21,9	-	200
12.	Hàm lượng Mangan (Mn)/*Manganese (Mn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,05	0,1

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
13.	Hàm lượng Nhôm (Al)/ *Aluminum (Al) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,07	0,2
14.	Hàm lượng Niken (Ni)/ *Nickel (Ni) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
15.	Hàm lượng Sắt (Fe)/ *Iron (Fe) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,3
16.	Hàm lượng Selen (Se)/*Selenium (Se) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,0025	-	0,04
17.	Hàm lượng Clorua/ *Chloride content*	SMEWW 4500- Cl B:2023(a)	mg/L	60,9	-	250 (hoặc 300)
18.	Độ cứng/*Hardness*	SMEWW 2340C:2023(a)	$mgCaCO_3/l$	119	-	300
19.	Hàm lượng florua (F-)/ *Flouride (F-) content*	SMEWW 4500 (F-)-D:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5
20.	Hàm lượng Nitrat/ *Nitrate content*	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	11
21.	Hàm lượng Nitrit/*Nitrite content*	TCVN 6178:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,9
22.	Hàm lượng Sunfat (SO_4^{2-})/ *Sulfate content*	SMEWW 2- 4500 (SO4) - E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	12,5	250
23.	Hàm lượng Sunfua/*Sulfide content*	TCVN 6637:2000(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	250
24.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/ *Total Dissolved Solids (TDS)*	SMEWW 2540C:2023(a)	mg/L	260	-	1000
25.	Hàm lượng Cyanua tổng/ *Total cyanide content*	SMEWW 4500-CN— E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,05
26.	1,1,1-Trichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	2000
27.	1,2-Dichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
28.	1,2-Dicloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	50

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
29.	Tetrachlorocarbon	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	2	2
30.	Dichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
31.	Tetrachloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
32.	Trichloroethene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	8	8
33.	Vinyl clorua/Vinyl chloride	US EPA 8260D (s) (a)	µg/L	KPH/ND	0,07	0,3
34.	Benzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
35.	Ethylbenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
36.	Styrene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
37.	Toluene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	700
38.	Xylene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	500
39.	1,2-Dichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	1000
40.	Monochlorobenzene	VLAB-CH-TP-639 (a)	µg/L	KPH/ND	10	300
41.	Hexaclorobutadiene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
42.	1,2-Dibromo-3-Chloropropane	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
43.	1,2-Dichloropropane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
44.	1,3-Dichloropropene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
45.	Dichloprop	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
46.	Mecoprop	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01,	µg/L	KPH/ND	10	10

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
		BS EN 15662:2008)(a)				
47.	Hydroxyatrazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	10	200
48.	Cyanazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
49.	Bromodichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	60
50.	Bromoform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
51.	Chloroform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
52.	Dibromoacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	70
53.	Dibromochloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
54.	Dichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
55.	Dichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	50
56.	Monochloramine	TCVN 6225-2:2021 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	20	3000
57.	Monochloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	20
58.	Trichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	200
59.	Trichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
60.	Acrylamide	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,5
61.	Epichlorohydrin	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,4
62.	Isoproturon	VLAB-CH-TP-674	µg/L	KPH/ND	9	9

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
63.	Pentachlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	9
64.	Fenoprop	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	9	9
65.	MCPA (2-methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	2	2
66.	2,4-D	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
67.	2,4 DB	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	90
68.	Aldicarb	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
69.	Carbofuran	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	5	5
70.	Trichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
71.	Alachlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
72.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
73.	Chlorpyrifos	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
74.	Chlordane	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	0,2	0,2
75.	Chlorotoluron	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	10	30
76.	DDT và các dẫn xuất/*DDT and derivatives*	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	1	1
77.	Methoxychlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
78.	Molinate	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	6	6
79.	Pendimethalin	VLAB-CH-TP-614(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
80.	Permethrin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
81.	Propanil	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
82.	Simazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	2	2
83.	Trifluralin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
84.	2,4,6-Trichlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	200
85.	Bromate	HD.TN.406: 2023 (LC/MS/MS) (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 1,5	10
86.	Formaldehyde	QUATEST3 1225:2024 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	100	500
87.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 6053:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,02	0,1
88.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 6219:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,3	1,0

Ghi chú/ *Remark(s)*: Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ *For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.*

(*) Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT do khách hàng yêu cầu viện dẫn

Kết luận:

- Báo cáo kết quả thử nghiệm này có các chỉ tiêu phù hợp theo: QCVN 01-1:2024/BYT

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260722-077/9

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 1/7

Tên khách hàng/ *Company*(1):	**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC HẬU GIANG**
Địa chỉ/ *Address*(1):	Số 46A, đường Ngô Quốc Trị, Khu Vực 9, Phường Vị Tân, Thành phố Cần Thơ
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*:	22/07/2026
Thời gian thử nghiệm/ *Testing period*:	22/07/2026 đến 10/08/2026
Tên mẫu/ *Sample Name*(1):	**NƯỚC SẠCH - TRẠM CẤP NƯỚC CÂY DƯƠNG - Địa chỉ: Ấp Mỹ Quới, Xã Hiệp Hưng, Thành phố Cần Thơ**
Mô tả mẫu/ *Sample description*:	Mẫu chứa trong can nhựa/ *Sample in plastic cans.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *TEST RESULTS*
[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

Ghi chú/ *Notes*:
(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.*
(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of Laboratory

Phạm Lê Tiến Khánh

Tổng giám đốc
General Director

M.S.D.N: 0316652523 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS - P. LONG TRƯỜNG - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Quốc Toàn

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260722-077/9

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 2/7

Kết quả/ *result*

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
1.	Định lượng *Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus*	SMEWW 9213B:2023(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
2.	Định lượng *Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa*	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
3.	Hàm lượng Antimon (Sb)/ *Antimon (Sb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,0016	-	0,02
4.	Hàm lượng Bari (Ba)/*Barium content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,031	-	1,3
5.	Hàm lượng Boron (B)/ *Boron (B) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,032	-	2,4
6.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/*Cadmium (Cd) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,003
7.	Hàm lượng Chì (Pb)/ *Lead (Pb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
8.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/ *Mercury (Hg) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,001
9.	Hàm lượng Crom (Cr)/*Chromium (Cr) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,05
10.	Hàm lượng Đồng (Cu)/*Copper (Cu) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	1
11.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/ *Zinc (Zn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
12.	Hàm lượng Natri (Na)/ *Sodium (Na) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	16,3	-	200

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ *No.*: VLAB0-260722-077/9

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 3/7

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
13.	Hàm lượng Mangan (Mn)/*Manganese (Mn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,05	0,1
14.	Hàm lượng Nhôm (Al)/ *Aluminum (Al) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,07	0,2
15.	Hàm lượng Niken (Ni)/ *Nickel (Ni) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
16.	Hàm lượng Sắt (Fe)/ *Iron (Fe) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,3
17.	Hàm lượng Selen (Se)/*Selenium (Se) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,04
18.	Hàm lượng Clorua/ *Chloride content*	SMEWW 4500- Cl B:2023(a)	mg/L	50	-	250 (hoặc 300)
19.	Độ cứng/*Hardness*	SMEWW 2340C:2023(a)	mg$CaCO_3$/l	108	-	300
20.	Hàm lượng florua (F-)/ *Flouride (F-) content*	SMEWW 4500 (F-)-D:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5
21.	Hàm lượng Nitrat/ *Nitrate content*	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	11
22.	Hàm lượng Nitrit/*Nitrite content*	TCVN 6178:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,9
23.	Hàm lượng Sunfat (SO_4^{2-})/ *Sulfate content*	SMEWW 2- 4500 (SO4) - E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	12,5	250
24.	Hàm lượng Sunfua/*Sulfide content*	TCVN 6637:2000(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	250
25.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/ *Total Dissolved Solids (TDS)*	SMEWW 2540C:2023(a)	mg/L	257	-	1000
26.	Hàm lượng Cyanua tổng/ *Total cyanide content*	SMEWW 4500-CN— E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,05
27.	1,1,1-Trichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	2000
28.	1,2-Dichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	30

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
29.	1,2-Dicloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	50
30.	Tetrachlorocarbon	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	2	2
31.	Dichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
32.	Tetrachloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
33.	Trichloroethene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	8	8
34.	Vinyl clorua/Vinyl chloride	US EPA 8260D (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD=0,07	0,3
35.	Benzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
36.	Ethylbenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
37.	Styrene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
38.	Toluene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	700
39.	Xylene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	500
40.	1,2-Dichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	1000
41.	Monochlorobenzene	VLAB-CH-TP-639 (a)	µg/L	KPH/ND	10	300
42.	Hexaclorobutadiene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
43.	1,2-Dibromo-3-Chloropropane	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
44.	1,2-Dichloropropane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
45.	1,3-Dichloropropene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
46.	Dichloprop	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	100

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
47.	Mecoprop	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
48.	Hydroxyatrazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	10	200
49.	Cyanazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
50.	Bromodichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	60
51.	Bromoform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
52.	Chloroform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
53.	Dibromoacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	70
54.	Dibromochloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
55.	Dichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
56.	Dichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	50
57.	Monochloramine	TCVN 6225-2:2021 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 20	3000
58.	Monochloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	20
59.	Trichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	200
60.	Trichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
61.	Acrylamide	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,5
62.	Epichlorohydrin	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,4
63.	Isoproturon	VLAB-CH-TP-674	µg/L	KPH/ND	9	9

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
64.	Pentachlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	9
65.	Fenoprop	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	9	9
66.	MCPA (2-methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	2	2
67.	2,4-D	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
68.	2,4 DB	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	90
69.	Aldicarb	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
70.	Carbofuran	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	5	5
71.	Trichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
72.	Alachlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
73.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
74.	Chlorpyrifos	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
75.	Chlordane	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	0,2	0,2
76.	Chlorotoluron	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	10	30
77.	DDT và các dẫn xuất/*DDT and derivatives*	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	1	1
78.	Methoxychlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
79.	Molinate	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	6	6
80.	Pendimethalin	VLAB-CH-TP-614(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
81.	Permethrin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
82.	Propanil	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
83.	Simazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	2	2
84.	Trifluralin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
85.	2,4,6-Trichlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	200
86.	Bromate	HD.TN.406: 2023 (LC/MS/MS) (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 1,5	10
87.	Formaldehyde	QUATEST3 1225:2024 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 100	500
88.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 6053:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,02	0,1
89.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 6219:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,3	1,0

Ghi chú/ *Remark(s)*: Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ *For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.*

(*) Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT do khách hàng yêu cầu viện dẫn

Kết luận: Báo cáo kết quả thử nghiệm này có các chỉ tiêu đã phù hợp theo: QCVN 01-1:2024/BYT

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh	Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh *62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City*
Can Tho	Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ *LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City*
Bac Lieu	Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau *479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province*
Ca Mau	Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau *214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province*

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VietLabs
Your Trusted Partner

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260722-077/10

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 1/7

Tên khách hàng/ *Company*(1):	**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC HẬU GIANG**
Địa chỉ/ *Address*(1):	Số 46A, đường Ngô Quốc Trị, Khu Vực 9, Phường Vị Tân, Thành phố Cần Thơ
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*:	22/07/2026
Thời gian thử nghiệm/ *Testing period*:	22/07/2026 đến 10/08/2026
Tên mẫu/ *Sample Name*(1):	**NƯỚC SẠCH - TRẠM CẤP NƯỚC CÂY DƯƠNG - Địa chỉ: Ấp Mỹ Quới, Xã Hiệp Hưng, Thành phố Cần Thơ (Hộ dân: Nguyễn Văn Út - Địa chỉ: Ấp Mỹ Quới, Xã Hiệp Hưng, Thành phố Cần Thơ)**
Mô tả mẫu/ *Sample description*:	Mẫu chứa trong can nhựa/ *Sample in plastic cans.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *TEST RESULTS*
[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

Ghi chú/ *Notes*:
(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.*
(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of Laboratory

Phạm Lê Tiến Khánh

Tổng giám đốc
General Director

M.S.D.N: 0316652523 CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS P. LONG TRƯỜNG - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Quốc Toàn

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260722-077/10

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026

Kết quả/ *result*

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
1.	Định lượng *Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus*	SMEWW 9213B:2023(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
2.	Định lượng *Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa*	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
3.	Hàm lượng Antimon (Sb)/ *Antimon (Sb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,002	-	0,02
4.	Hàm lượng Bari (Ba)/*Barium content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,038	-	1,3
5.	Hàm lượng Boron (B)/ *Boron (B) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,045	-	2,4
6.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/*Cadmium (Cd) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,003
7.	Hàm lượng Chì (Pb)/ *Lead (Pb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
8.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/ *Mercury (Hg) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,001
9.	Hàm lượng Crom (Cr)/*Chromium (Cr) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,05
10.	Hàm lượng Đồng (Cu)/*Copper (Cu) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	1
11.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/ *Zinc (Zn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
12.	Hàm lượng Natri (Na)/ *Sodium (Na) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	16,7	-	200

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
13.	Hàm lượng Mangan (Mn)/*Manganese (Mn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	0,053	-	0,1
14.	Hàm lượng Nhôm (Al)/ *Aluminum (Al) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,083	-	0,2
15.	Hàm lượng Niken (Ni)/ *Nickel (Ni) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
16.	Hàm lượng Sắt (Fe)/ *Iron (Fe) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,3
17.	Hàm lượng Selen (Se)/*Selenium (Se) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,04
18.	Hàm lượng Clorua/ *Chloride content*	SMEWW 4500- Cl B:2023(a)	mg/L	49,6	-	250 (hoặc 300)
19.	Độ cứng/*Hardness*	SMEWW 2340C:2023(a)	$mgCaCO_3/l$	104	-	300
20.	Hàm lượng florua (F-)/ *Flouride (F-) content*	SMEWW 4500 (F-)-D:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5
21.	Hàm lượng Nitrat/ *Nitrate content*	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	11
22.	Hàm lượng Nitrit/*Nitrite content*	TCVN 6178:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,9
23.	Hàm lượng Sunfat (SO_4^{2-})/ *Sulfate content*	SMEWW 2- 4500 (SO4) - E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	12,5	250
24.	Hàm lượng Sunfua/*Sulfide content*	TCVN 6637:2000(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	250
25.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/ *Total Dissolved Solids (TDS)*	SMEWW 2540C:2023(a)	mg/L	261	-	1000
26.	Hàm lượng Cyanua tổng/ *Total cyanide content*	SMEWW 4500-CN— E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,05
27.	1,1,1-Trichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	2000
28.	1,2-Dichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	30

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
29.	1,2-Dicloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	50
30.	Tetrachlorocarbon	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	2	2
31.	Dichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
32.	Tetrachloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
33.	Trichloroethene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	8	8
34.	Vinyl clorua/Vinyl chloride	US EPA 8260D (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD=0,07	0,3
35.	Benzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
36.	Ethylbenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
37.	Styrene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
38.	Toluene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	700
39.	Xylene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	500
40.	1,2-Dichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	1000
41.	Monochlorobenzene	VLAB-CH-TP-639 (a)	µg/L	KPH/ND	10	300
42.	Hexaclorobutadiene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
43.	1,2-Dibromo-3-Chloropropane	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
44.	1,2-Dichloropropane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
45.	1,3-Dichloropropene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
46.	Dichloprop	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	100

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
47.	Mecoprop	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
48.	Hydroxyatrazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	10	200
49.	Cyanazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
50.	Bromodichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	60
51.	Bromoform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
52.	Chloroform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
53.	Dibromoacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	70
54.	Dibromochloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
55.	Dichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
56.	Dichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	50
57.	Monochloramine	TCVN 6225-2:2021 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 20	3000
58.	Monochloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	20
59.	Trichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	200
60.	Trichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
61.	Acrylamide	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,5
62.	Epichlorohydrin	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,4
63.	Isoproturon	VLAB-CH-TP-674	µg/L	KPH/ND	9	9

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
64.	Pentachlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	9
65.	Fenoprop	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	9	9
66.	MCPA (2-methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	2	2
67.	2,4-D	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
68.	2,4 DB	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	90
69.	Aldicarb	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
70.	Carbofuran	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	5	5
71.	Trichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
72.	Alachlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
73.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
74.	Chlorpyrifos	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
75.	Chlordane	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	0,2	0,2
76.	Chlorotoluron	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	10	30
77.	DDT và các dẫn xuất/*DDT and derivatives*	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	1	1
78.	Methoxychlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
79.	Molinate	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	6	6
80.	Pendimethalin	VLAB-CH-TP-614(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
81.	Permethrin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
82.	Propanil	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
83.	Simazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	2	2
84.	Trifluralin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
85.	2,4,6-Trichlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	200
86.	Bromate	HD.TN.406: 2023 (LC/MS/MS) (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 1,5	10
87.	Formaldehyde	QUATEST3 1225:2024 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 100	500
88.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 6053:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,02	0,1
89.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 6219:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,3	1,0

Ghi chú/ *Remark(s)*: Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ *For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.*

(*) Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT do khách hàng yêu cầu viện dẫn
Kết luận: Báo cáo kết quả thử nghiệm này có các chỉ tiêu đã phù hợp theo: QCVN 01-1:2024/BYT

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260722-077/11

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 1/7

Tên khách hàng/ *Company*(1):	**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC HẬU GIANG**
Địa chỉ/ *Address*(1):	Số 46A, đường Ngô Quốc Trị, Khu Vực 9, Phường Vị Tân, Thành phố Cần Thơ
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*:	22/07/2026
Thời gian thử nghiệm/ *Testing period*:	22/07/2026 đến 10/08/2026
Tên mẫu/ *Sample Name*(1):	**NƯỚC SẠCH - TRẠM CẤP NƯỚC CÂY DƯƠNG - Địa chỉ: Ấp Mỹ Quới, Xã Hiệp Hưng, Thành phố Cần Thơ (Hộ dân: Nguyễn Hồng Trọng - Địa chỉ: Ấp Mỹ Quới, Xã Hiệp Hưng, Thành phố Cần Thơ)**
Mô tả mẫu/ *Sample description*:	Mẫu chứa trong can nhựa/ *Sample in plastic cans.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *TEST RESULTS*
[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

Ghi chú/ *Notes*:
(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.*
(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of Laboratory

Phạm Lê Tiến Khánh

Tổng giám đốc
General Director

M.S.D.N: 0316652523 CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS P. LONG TRƯỜNG - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Quốc Toàn

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Kết quả/ *result*

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
1.	Định lượng *Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus*	SMEWW 9213B:2023(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
2.	Định lượng *Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa*	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
3.	Hàm lượng Antimon (Sb)/ *Antimon (Sb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,0017	-	0,02
4.	Hàm lượng Bari (Ba)/*Barium content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,031	-	1,3
5.	Hàm lượng Boron (B)/ *Boron (B) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,031	-	2,4
6.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/*Cadmium (Cd) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,003
7.	Hàm lượng Chì (Pb)/ *Lead (Pb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
8.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/ *Mercury (Hg) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,001
9.	Hàm lượng Crom (Cr)/*Chromium (Cr) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,05
10.	Hàm lượng Đồng (Cu)/*Copper (Cu) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	1
11.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/ *Zinc (Zn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
12.	Hàm lượng Natri (Na)/ *Sodium (Na) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	16,9	-	200

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ *No.*: VLAB0-260722-077/11

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 3/7

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
13.	Hàm lượng Mangan (Mn)/*Manganese (Mn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	0,060	-	0,1
14.	Hàm lượng Nhôm (Al)/ *Aluminum (Al) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,085	-	0,2
15.	Hàm lượng Niken (Ni)/ *Nickel (Ni) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
16.	Hàm lượng Sắt (Fe)/ *Iron (Fe) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,3
17.	Hàm lượng Selen (Se)/*Selenium (Se) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,04
18.	Hàm lượng Clorua/ *Chloride content*	SMEWW 4500- Cl B:2023(a)	mg/L	49,3	-	250 (hoặc 300)
19.	Độ cứng/*Hardness*	SMEWW 2340C:2023(a)	mg$CaCO_3$/l	106	-	300
20.	Hàm lượng florua (F-)/ *Flouride (F-) content*	SMEWW 4500 (F-)-D:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5
21.	Hàm lượng Nitrat/ *Nitrate content*	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	11
22.	Hàm lượng Nitrit/*Nitrite content*	TCVN 6178:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,9
23.	Hàm lượng Sunfat (SO_4^{2-})/ *Sulfate content*	SMEWW 2- 4500 (SO4) - E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	12,5	250
24.	Hàm lượng Sunfua/*Sulfide content*	TCVN 6637:2000(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	250
25.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/ *Total Dissolved Solids (TDS)*	SMEWW 2540C:2023(a)	mg/L	253	-	1000
26.	Hàm lượng Cyanua tổng/ *Total cyanide content*	SMEWW 4500-CN— E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,05
27.	1,1,1-Trichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	2000
28.	1,2-Dichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	30

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
29.	1,2-Dicloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	50
30.	Tetrachlorocarbon	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	2	2
31.	Dichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
32.	Tetrachloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
33.	Trichloroethene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	8	8
34.	Vinyl clorua/Vinyl chloride	US EPA 8260D (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD=0,07	0,3
35.	Benzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
36.	Ethylbenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
37.	Styrene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
38.	Toluene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	700
39.	Xylene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	500
40.	1,2-Dichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	1000
41.	Monochlorobenzene	VLAB-CH-TP-639 (a)	µg/L	KPH/ND	10	300
42.	Hexaclorobutadiene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
43.	1,2-Dibromo-3-Chloropropane	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
44.	1,2-Dichloropropane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
45.	1,3-Dichloropropene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
46.	Dichloprop	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	100

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
47.	Mecoprop	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
48.	Hydroxyatrazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	10	200
49.	Cyanazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
50.	Bromodichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	60
51.	Bromoform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
52.	Chloroform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
53.	Dibromoacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	70
54.	Dibromochloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
55.	Dichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
56.	Dichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	50
57.	Monochloramine	TCVN 6225-2:2021 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 20	3000
58.	Monochloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	20
59.	Trichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	200
60.	Trichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
61.	Acrylamide	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,5
62.	Epichlorohydrin	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,4
63.	Isoproturon	VLAB-CH-TP-674	µg/L	KPH/ND	9	9

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
64.	Pentachlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	9
65.	Fenoprop	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	9	9
66.	MCPA (2-methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	2	2
67.	2,4-D	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
68.	2,4 DB	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	90
69.	Aldicarb	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
70.	Carbofuran	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	5	5
71.	Trichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
72.	Alachlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
73.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
74.	Chlorpyrifos	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
75.	Chlordane	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	0,2	0,2
76.	Chlorotoluron	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	10	30
77.	DDT và các dẫn xuất/*DDT and derivatives*	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	1	1
78.	Methoxychlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ *No.*: VLAB0-260722-077/11

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 7/7

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
79.	Molinate	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	6	6
80.	Pendimethalin	VLAB-CH-TP-614(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
81.	Permethrin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
82.	Propanil	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
83.	Simazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	2	2
84.	Trifluralin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
85.	2,4,6-Trichlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	200
86.	Bromate	HD.TN.406: 2023 (LC/MS/MS) (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 1,5	10
87.	Formaldehyde	QUATEST3 1225:2024 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 100	500
88.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 6053:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,02	0,1
89.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 6219:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,3	1,0

Ghi chú/ *Remark(s)*: Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ *For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.*

(*) Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT do khách hàng yêu cầu viện dẫn
Kết luận: Báo cáo kết quả thử nghiệm này có các chỉ tiêu đã phù hợp theo: QCVN 01-1:2024/BYT

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh	Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh *62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City*
Can Tho	Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ *LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City*
Bac Lieu	Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau *479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province*
Ca Mau	Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau *214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province*

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VietLabs
Your Trusted Partner

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260722-077/7

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 1/7

Tên khách hàng/ *Company*(1):	**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC HẬU GIANG**
Địa chỉ/ *Address*(1):	Số 46A, đường Ngô Quốc Trị, Khu Vực 9, Phường Vị Tân, Thành phố Cần Thơ
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*:	22/07/2026
Thời gian thử nghiệm/ *Testing period*:	22/07/2026 đến 10/08/2026
Tên mẫu/ *Sample Name*(1):	**NƯỚC SẠCH - TRẠM CẤP NƯỚC TÂN PHƯỚC HƯNG - Địa chỉ: Ấp Hòa Hưng, Xã Tân Phước Hưng, Thành phố Cần Thơ**
Mô tả mẫu/ *Sample description*:	Mẫu chứa trong can nhựa/ *Sample in plastic cans.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *TEST RESULTS*
[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

Ghi chú/ *Notes*:
(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.*
(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of Laboratory

Phạm Lê Tiến Khánh

Tổng giám đốc
General Director

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS

Nguyễn Quốc Toàn

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/ *No.*: VLAB0-260722-077/T

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026

Kết quả/ *result*

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
1.	Định lượng *Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus*	SMEWW 9213B:2023(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
2.	Định lượng *Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa*	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
3.	Hàm lượng Antimon (Sb)/ *Antimon (Sb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,0018	-	0,02
4.	Hàm lượng Bari (Ba)/*Barium content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,031	-	1,3
5.	Hàm lượng Boron (B)/ *Boron (B) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,033	-	2,4
6.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/*Cadmium (Cd) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,003
7.	Hàm lượng Chì (Pb)/ *Lead (Pb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
8.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/ *Mercury (Hg) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,001
9.	Hàm lượng Crom (Cr)/*Chromium (Cr) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,05
10.	Hàm lượng Đồng (Cu)/*Copper (Cu) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	1
11.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/ *Zinc (Zn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
12.	Hàm lượng Natri (Na)/ *Sodium (Na) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	16,7	-	200

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
13.	Hàm lượng Mangan (Mn)/*Manganese (Mn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	0,069	-	0,1
14.	Hàm lượng Nhôm (Al)/ *Aluminum (Al) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,07	0,2
15.	Hàm lượng Niken (Ni)/ *Nickel (Ni) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
16.	Hàm lượng Sắt (Fe)/ *Iron (Fe) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,3
17.	Hàm lượng Selen (Se)/*Selenium (Se) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,04
18.	Hàm lượng Clorua/ *Chloride content*	SMEWW 4500- Cl B:2023(a)	mg/L	46,1	-	250 (hoặc 300)
19.	Độ cứng/*Hardness*	SMEWW 2340C:2023(a)	$mgCaCO_3/l$	108	-	300
20.	Hàm lượng florua (F-)/ *Flouride (F-) content*	SMEWW 4500 (F-)-D:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5
21.	Hàm lượng Nitrat/ *Nitrate content*	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	11
22.	Hàm lượng Nitrit/*Nitrite content*	TCVN 6178:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,9
23.	Hàm lượng Sunfat (SO_4^{2-})/ *Sulfate content*	SMEWW 2- 4500 (SO4) - E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	12,5	250
24.	Hàm lượng Sunfua/*Sulfide content*	TCVN 6637:2000(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	250
25.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/ *Total Dissolved Solids (TDS)*	SMEWW 2540C:2023(a)	mg/L	224	-	1000
26.	Hàm lượng Cyanua tổng/ *Total cyanide content*	SMEWW 4500-CN—E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,05
27.	1,1,1-Trichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	2000
28.	1,2-Dichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	30

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
29.	1,2-Dicloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	50
30.	Tetrachlorocarbon	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	2	2
31.	Dichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
32.	Tetrachloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
33.	Trichloroethene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	8	8
34.	Vinyl clorua/Vinyl chloride	US EPA 8260D (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD=0,07	0,3
35.	Benzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
36.	Ethylbenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
37.	Styrene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
38.	Toluene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	700
39.	Xylene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	500
40.	1,2-Dichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	1000
41.	Monochlorobenzene	VLAB-CH-TP-639 (a)	µg/L	KPH/ND	10	300
42.	Hexaclorobutadiene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
43.	1,2-Dibromo-3-Chloropropane	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
44.	1,2-Dichloropropane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
45.	1,3-Dichloropropene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
46.	Dichloprop	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	100

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ *No.*: VLAB0-260722-077/7

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 5/7

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
47.	Mecoprop	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
48.	Hydroxyatrazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	10	200
49.	Cyanazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
50.	Bromodichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	60
51.	Bromoform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
52.	Chloroform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
53.	Dibromoacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	70
54.	Dibromochloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
55.	Dichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
56.	Dichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	50
57.	Monochloramine	TCVN 6225-2:2021 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 20	3000
58.	Monochloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	20
59.	Trichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	200
60.	Trichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
61.	Acrylamide	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,5
62.	Epichlorohydrin	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,4
63.	Isoproturon	VLAB-CH-TP-674	µg/L	KPH/ND	9	9

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
64.	Pentachlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	9
65.	Fenoprop	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	9	9
66.	MCPA (2-methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	2	2
67.	2,4-D	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
68.	2,4 DB	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	90
69.	Aldicarb	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
70.	Carbofuran	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	5	5
71.	Trichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
72.	Alachlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
73.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
74.	Chlorpyrifos	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
75.	Chlordane	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	0,2	0,2
76.	Chlorotoluron	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	10	30
77.	DDT và các dẫn xuất/*DDT and derivatives*	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	1	1
78.	Methoxychlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
79.	Molinate	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	6	6
80.	Pendimethalin	VLAB-CH-TP-614(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
81.	Permethrin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
82.	Propanil	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
83.	Simazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	2	2
84.	Trifluralin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
85.	2,4,6-Trichlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	200
86.	Bromate	HD.TN.406: 2023 (LC/MS/MS) (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 1,5	10
87.	Formaldehyde	QUATEST3 1225:2024 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 100	500
88.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 6053:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,02	0,1
89.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 6219:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,3	1,0

Ghi chú/ *Remark(s)*: Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ *For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.*

(*) Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT do khách hàng yêu cầu viện dẫn
Kết luận: Báo cáo kết quả thử nghiệm này có các chỉ tiêu đã phù hợp theo: QCVN 01-1:2024/BYT

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260722-077/8

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 1/7

Tên khách hàng/ *Company*(1):	**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC HẬU GIANG**
Địa chỉ/ *Address*(1):	Số 46A, đường Ngô Quốc Trị, Khu Vực 9, Phường Vị Tân, Thành phố Cần Thơ
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*:	22/07/2026
Thời gian thử nghiệm/ *Testing period*:	22/07/2026 đến 10/08/2026
Tên mẫu/ *Sample Name*(1):	**NƯỚC SẠCH - TRẠM CẤP NƯỚC TÂN PHƯỚC HƯNG - Địa chỉ: Ấp Hòa Hưng, Xã Tân Phước Hưng, Thành phố Cần Thơ (Hộ dân: Nguyễn Ngọc Thân - Địa chỉ: Ấp Tân Thành, Xã Tân Phước Hưng, Thành phố Cần Thơ)**
Mô tả mẫu/ *Sample description*:	Mẫu chứa trong can nhựa/ *Sample in plastic cans.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *TEST RESULTS*
[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

Ghi chú/ *Notes*:
(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.*
(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of Laboratory

Phạm Lê Tiến Khánh

Tổng giám đốc
General Director

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS

Nguyễn Quốc Toàn

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Kết quả/ *result*

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
1.	Định lượng *Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus*	SMEWW 9213B:2023(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
2.	Định lượng *Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa*	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
3.	Hàm lượng Antimon (Sb)/ *Antimon (Sb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,0014	-	0,02
4.	Hàm lượng Bari (Ba)/*Barium content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,026	-	1,3
5.	Hàm lượng Boron (B)/ *Boron (B) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,028	-	2,4
6.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/*Cadmium (Cd) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,003
7.	Hàm lượng Chì (Pb)/ *Lead (Pb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
8.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/ *Mercury (Hg) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,001
9.	Hàm lượng Crom (Cr)/*Chromium (Cr) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,05
10.	Hàm lượng Đồng (Cu)/*Copper (Cu) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	1
11.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/ *Zinc (Zn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
12.	Hàm lượng Natri (Na)/ *Sodium (Na) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	16,4	-	200

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ *No.*: VLAB0-260722-077/8

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 3/7

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
13.	Hàm lượng Mangan (Mn)/*Manganese (Mn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,05	0,1
14.	Hàm lượng Nhôm (Al)/ *Aluminum (Al) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,07	0,2
15.	Hàm lượng Niken (Ni)/ *Nickel (Ni) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
16.	Hàm lượng Sắt (Fe)/ *Iron (Fe) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,3
17.	Hàm lượng Selen (Se)/*Selenium (Se) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,04
18.	Hàm lượng Clorua/ *Chloride content*	SMEWW 4500- Cl B:2023(a)	mg/L	44	-	250 (hoặc 300)
19.	Độ cứng/*Hardness*	SMEWW 2340C:2023(a)	$mgCaCO_3/l$	107	-	300
20.	Hàm lượng florua (F-)/ *Flouride (F-) content*	SMEWW 4500 (F-)-D:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5
21.	Hàm lượng Nitrat/ *Nitrate content*	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	11
22.	Hàm lượng Nitrit/*Nitrite content*	TCVN 6178:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,9
23.	Hàm lượng Sunfat (SO_4^{2-})/ *Sulfate content*	SMEWW 2- 4500 (SO4) - E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	12,5	250
24.	Hàm lượng Sunfua/*Sulfide content*	TCVN 6637:2000(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	250
25.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/ *Total Dissolved Solids (TDS)*	SMEWW 2540C:2023(a)	mg/L	222	-	1000
26.	Hàm lượng Cyanua tổng/ *Total cyanide content*	SMEWW 4500-CN— E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,05
27.	1,1,1-Trichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	2000
28.	1,2-Dichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	30

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
29.	1,2-Dicloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	50
30.	Tetrachlorocarbon	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	2	2
31.	Dichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
32.	Tetrachloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
33.	Trichloroethene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	8	8
34.	Vinyl clorua/Vinyl chloride	US EPA 8260D (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD=0,07	0,3
35.	Benzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
36.	Ethylbenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
37.	Styrene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
38.	Toluene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	700
39.	Xylene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	500
40.	1,2-Dichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	1000
41.	Monochlorobenzene	VLAB-CH-TP-639 (a)	µg/L	KPH/ND	10	300
42.	Hexaclorobutadiene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
43.	1,2-Dibromo-3-Chloropropane	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
44.	1,2-Dichloropropane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
45.	1,3-Dichloropropene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
46.	Dichloprop	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	100

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
47.	Mecoprop	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
48.	Hydroxyatrazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	10	200
49.	Cyanazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
50.	Bromodichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	60
51.	Bromoform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
52.	Chloroform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
53.	Dibromoacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	70
54.	Dibromochloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
55.	Dichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
56.	Dichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	50
57.	Monochloramine	TCVN 6225-2:2021 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 20	3000
58.	Monochloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	20
59.	Trichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	200
60.	Trichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
61.	Acrylamide	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,5
62.	Epichlorohydrin	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,4
63.	Isoproturon	VLAB-CH-TP-674	µg/L	KPH/ND	9	9

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
64.	Pentachlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	9
65.	Fenoprop	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	9	9
66.	MCPA (2-methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	2	2
67.	2,4-D	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
68.	2,4 DB	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	90
69.	Aldicarb	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
70.	Carbofuran	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	5	5
71.	Trichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
72.	Alachlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
73.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
74.	Chlorpyrifos	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
75.	Chlordane	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	0,2	0,2
76.	Chlorotoluron	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	10	30
77.	DDT và các dẫn xuất/*DDT and derivatives*	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	1	1
78.	Methoxychlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ *No.*: VLAB0-260722-077/8

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 7/7

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
79.	Molinate	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	6	6
80.	Pendimethalin	VLAB-CH-TP-614(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
81.	Permethrin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
82.	Propanil	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
83.	Simazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	2	2
84.	Trifluralin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
85.	2,4,6-Trichlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	200
86.	Bromate	HD.TN.406: 2023 (LC/MS/MS) (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 1,5	10
87.	Formaldehyde	QUATEST3 1225:2024 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 100	500
88.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 6053:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,02	0,1
89.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 6219:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,3	1,0

Ghi chú/ *Remark(s)*: Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ *For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.*

(*) Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT do khách hàng yêu cầu viện dẫn
Kết luận: Báo cáo kết quả thử nghiệm này có các chỉ tiêu đã phù hợp theo: QCVN 01-1:2024/BYT

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh	Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh *62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City*
Can Tho	Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ *LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City*
Bac Lieu	Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau *479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province*
Ca Mau	Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau *214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province*

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VietLabs
Your Trusted Partner

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260722-077/4

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 1/7

Tên khách hàng/ *Company*(1):	**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC HẬU GIANG**
Địa chỉ/ *Address*(1):	Số 46A, đường Ngô Quốc Trị, Khu Vực 9, Phường Vị Tân, Thành phố Cần Thơ
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*:	22/07/2026
Thời gian thử nghiệm/ *Testing period*:	22/07/2026 đến 10/08/2026
Tên mẫu/ *Sample Name*(1):	**NƯỚC SẠCH - NHÀ MÁY NƯỚC NGÃ BẢY - Địa chỉ: Khu vực 6, Phường Ngã Bảy, Thành phố Cần Thơ**
Mô tả mẫu/ *Sample description*:	Mẫu chứa trong can nhựa/ *Sample in plastic cans.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *TEST RESULTS*
[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

Ghi chú/ *Notes*:
(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.*
(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of Laboratory

Phạm Lê Tiến Khánh

Tổng giám đốc
General Director

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS

Nguyễn Quốc Toàn

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Kết quả/ *result*

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
1.	Định lượng *Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus*	SMEWW 9213B:2023(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
2.	Định lượng *Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa*	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
3.	Hàm lượng Antimon (Sb)/ *Antimon (Sb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,0017	-	0,02
4.	Hàm lượng Bari (Ba)/*Barium content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,04	-	1,3
5.	Hàm lượng Boron (B)/ *Boron (B) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,031	-	2,4
6.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/*Cadmium (Cd) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,003
7.	Hàm lượng Chì (Pb)/ *Lead (Pb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
8.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/ *Mercury (Hg) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,001
9.	Hàm lượng Crom (Cr)/*Chromium (Cr) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,05
10.	Hàm lượng Đồng (Cu)/*Copper (Cu) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	1
11.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/ *Zinc (Zn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
12.	Hàm lượng Natri (Na)/ *Sodium (Na) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	14,2	-	200

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
13.	Hàm lượng Mangan (Mn)/*Manganese (Mn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,05	0,1
14.	Hàm lượng Nhôm (Al)/ *Aluminum (Al) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,07	0,2
15.	Hàm lượng Niken (Ni)/ *Nickel (Ni) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
16.	Hàm lượng Sắt (Fe)/ *Iron (Fe) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,3
17.	Hàm lượng Selen (Se)/*Selenium (Se) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,04
18.	Hàm lượng Clorua/ *Chloride content*	SMEWW 4500- Cl B:2023(a)	mg/L	42,5	-	250 (hoặc 300)
19.	Độ cứng/*Hardness*	SMEWW 2340C:2023(a)	$mgCaCO_3/l$	100	-	300
20.	Hàm lượng florua (F-)/ *Flouride (F-) content*	SMEWW 4500 (F-)-D:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5
21.	Hàm lượng Nitrat/ *Nitrate content*	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	11
22.	Hàm lượng Nitrit/*Nitrite content*	TCVN 6178:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,9
23.	Hàm lượng Sunfat (SO_4^{2-})/ *Sulfate content*	SMEWW 2- 4500 (SO4) - E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	12,5	250
24.	Hàm lượng Sunfua/*Sulfide content*	TCVN 6637:2000(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	250
25.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/ *Total Dissolved Solids (TDS)*	SMEWW 2540C:2023(a)	mg/L	229	-	1000
26.	Hàm lượng Cyanua tổng/ *Total cyanide content*	SMEWW 4500-CN—E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,05
27.	1,1,1-Trichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	2000
28.	1,2-Dichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	30

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
29.	1,2-Dicloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	50
30.	Tetrachlorocarbon	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	2	2
31.	Dichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
32.	Tetrachloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
33.	Trichloroethene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	8	8
34.	Vinyl clorua/Vinyl chloride	US EPA 8260D (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD=0,07	0,3
35.	Benzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
36.	Ethylbenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
37.	Styrene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
38.	Toluene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	700
39.	Xylene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	500
40.	1,2-Dichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	1000
41.	Monochlorobenzene	VLAB-CH-TP-639 (a)	µg/L	KPH/ND	10	300
42.	Hexaclorobutadiene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
43.	1,2-Dibromo-3-Chloropropane	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
44.	1,2-Dichloropropane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
45.	1,3-Dichloropropene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
46.	Dichloprop	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	100

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
47.	Mecoprop	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
48.	Hydroxyatrazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	10	200
49.	Cyanazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
50.	Bromodichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	60
51.	Bromoform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
52.	Chloroform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
53.	Dibromoacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	70
54.	Dibromochloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
55.	Dichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
56.	Dichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	50
57.	Monochloramine	TCVN 6225-2:2021 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 20	3000
58.	Monochloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	20
59.	Trichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	200
60.	Trichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
61.	Acrylamide	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,5
62.	Epichlorohydrin	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,4
63.	Isoproturon	VLAB-CH-TP-674	µg/L	KPH/ND	9	9

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
64.	Pentachlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	9
65.	Fenoprop	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	9	9
66.	MCPA (2-methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	2	2
67.	2,4-D	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
68.	2,4 DB	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	90
69.	Aldicarb	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
70.	Carbofuran	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	5	5
71.	Trichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
72.	Alachlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
73.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
74.	Chlorpyrifos	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
75.	Chlordane	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	0,2	0,2
76.	Chlorotoluron	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	10	30
77.	DDT và các dẫn xuất/*DDT and derivatives*	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	1	1
78.	Methoxychlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
79.	Molinate	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	6	6
80.	Pendimethalin	VLAB-CH-TP-614(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
81.	Permethrin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
82.	Propanil	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
83.	Simazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	2	2
84.	Trifluralin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
85.	2,4,6-Trichlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	200
86.	Bromate	HD.TN.406: 2023 (LC/MS/MS) (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 1,5	10
87.	Formaldehyde	QUATEST3 1225:2024 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 100	500
88.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 6053:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,02	0,1
89.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 6219:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,3	1,0

Ghi chú/ *Remark(s)*: Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ *For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.*

(*) Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT do khách hàng yêu cầu viện dẫn
Kết luận: Báo cáo kết quả thử nghiệm này có các chỉ tiêu đã phù hợp theo: QCVN 01-1:2024/BYT

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

VALAS 160

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VietLabs
Your Trusted Partner

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260722-077/5

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 1/7

Tên khách hàng/ *Company*(1):	**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC HẬU GIANG**
Địa chỉ/ *Address*(1):	Số 46A, đường Ngô Quốc Trị, Khu Vực 9, Phường Vị Tân, Thành phố Cần Thơ
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*:	22/07/2026
Thời gian thử nghiệm/ *Testing period*:	22/07/2026 đến 10/08/2026
Tên mẫu/ *Sample Name*(1):	**NƯỚC SẠCH - NHÀ MÁY NƯỚC NGÃ BẢY - Địa chỉ: Khu vực 6, Phường Ngã Bảy, Thành phố Cần Thơ (Hộ dân: Nguyễn Nhật Trường – Địa chỉ: 307 Nguyễn Minh Quang, Khu vực Mái Dầm, Phường Đại Thành, Thành phố Cần Thơ)**
Mô tả mẫu/ *Sample description*:	Mẫu chứa trong can nhựa/ *Sample in plastic cans.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *TEST RESULTS*
[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

Ghi chú/ *Notes*:
(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.*
(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of Laboratory

Phạm Lê Tiến Khánh

Tổng giám đốc
General Director

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS

Nguyễn Quốc Toàn

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Kết quả/ *result*

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
1.	Định lượng *Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus*	SMEWW 9213B:2023(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
2.	Định lượng *Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa*	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
3.	Hàm lượng Antimon (Sb)/ *Antimon (Sb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,0019	-	0,02
4.	Hàm lượng Bari (Ba)/*Barium content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,042	-	1,3
5.	Hàm lượng Boron (B)/ *Boron (B) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,03	-	2,4
6.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/*Cadmium (Cd) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,003
7.	Hàm lượng Chì (Pb)/ *Lead (Pb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
8.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/ *Mercury (Hg) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,001
9.	Hàm lượng Crom (Cr)/*Chromium (Cr) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,05
10.	Hàm lượng Đồng (Cu)/*Copper (Cu) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	1
11.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/ *Zinc (Zn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
12.	Hàm lượng Natri (Na)/ *Sodium (Na) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	14,1	-	200

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
13.	Hàm lượng Mangan (Mn)/*Manganese (Mn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,05	0,1
14.	Hàm lượng Nhôm (Al)/ *Aluminum (Al) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,07	0,2
15.	Hàm lượng Niken (Ni)/ *Nickel (Ni) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
16.	Hàm lượng Sắt (Fe)/ *Iron (Fe) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,3
17.	Hàm lượng Selen (Se)/*Selenium (Se) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,04
18.	Hàm lượng Clorua/ *Chloride content*	SMEWW 4500- Cl B:2023(a)	mg/L	40,8	-	250 (hoặc 300)
19.	Độ cứng/*Hardness*	SMEWW 2340C:2023(a)	$mgCaCO_3/l$	98	-	300
20.	Hàm lượng florua (F-)/ *Flouride (F-) content*	SMEWW 4500 (F-)-D:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5
21.	Hàm lượng Nitrat/ *Nitrate content*	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	11
22.	Hàm lượng Nitrit/*Nitrite content*	TCVN 6178:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,9
23.	Hàm lượng Sunfat (SO_4^{2-})/ *Sulfate content*	SMEWW 2- 4500 (SO4) - E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	12,5	250
24.	Hàm lượng Sunfua/*Sulfide content*	TCVN 6637:2000(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	250
25.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/ *Total Dissolved Solids (TDS)*	SMEWW 2540C:2023(a)	mg/L	231	-	1000
26.	Hàm lượng Cyanua tổng/ *Total cyanide content*	SMEWW 4500-CN— E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,05
27.	1,1,1-Trichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	2000
28.	1,2-Dichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	30

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
29.	1,2-Dicloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	50
30.	Tetrachlorocarbon	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	2	2
31.	Dichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
32.	Tetrachloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
33.	Trichloroethene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	8	8
34.	Vinyl clorua/Vinyl chloride	US EPA 8260D (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD=0,07	0,3
35.	Benzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
36.	Ethylbenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
37.	Styrene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
38.	Toluene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	700
39.	Xylene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	500
40.	1,2-Dichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	1000
41.	Monochlorobenzene	VLAB-CH-TP-639 (a)	µg/L	KPH/ND	10	300
42.	Hexaclorobutadiene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
43.	1,2-Dibromo-3-Chloropropane	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
44.	1,2-Dichloropropane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
45.	1,3-Dichloropropene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
46.	Dichloprop	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	100

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
47.	Mecoprop	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
48.	Hydroxyatrazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	10	200
49.	Cyanazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
50.	Bromodichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	60
51.	Bromoform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
52.	Chloroform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
53.	Dibromoacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	70
54.	Dibromochloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
55.	Dichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
56.	Dichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	50
57.	Monochloramine	TCVN 6225-2:2021 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 20	3000
58.	Monochloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	20
59.	Trichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	200
60.	Trichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
61.	Acrylamide	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,5
62.	Epichlorohydrin	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,4
63.	Isoproturon	VLAB-CH-TP-674	µg/L	KPH/ND	9	9

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
64.	Pentachlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	9
65.	Fenoprop	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	9	9
66.	MCPA (2-methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	2	2
67.	2,4-D	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
68.	2,4 DB	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	90
69.	Aldicarb	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
70.	Carbofuran	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	5	5
71.	Trichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
72.	Alachlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
73.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
74.	Chlorpyrifos	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
75.	Chlordane	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	0,2	0,2
76.	Chlorotoluron	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	10	30
77.	DDT và các dẫn xuất/*DDT and derivatives*	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	1	1
78.	Methoxychlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
79.	Molinate	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	6	6
80.	Pendimethalin	VLAB-CH-TP-614(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
81.	Permethrin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
82.	Propanil	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
83.	Simazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	2	2
84.	Trifluralin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
85.	2,4,6-Trichlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	200
86.	Bromate	HD.TN.406: 2023 (LC/MS/MS) (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 1,5	10
87.	Formaldehyde	QUATEST3 1225:2024 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 100	500
88.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 6053:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,02	0,1
89.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 6219:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,3	1,0

Ghi chú/ *Remark(s)*: Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ *For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.*

(*) Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT do khách hàng yêu cầu viện dẫn
Kết luận: Báo cáo kết quả thử nghiệm này có các chỉ tiêu đã phù hợp theo: QCVN 01-1:2024/BYT

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh	Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh *62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City*
Can Tho	Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ *LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City*
Bac Lieu	Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau *479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province*
Ca Mau	Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau *214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province*

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/ *No.*: VLAB0-260722-077/6

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 1/7

Tên khách hàng/ *Company*(1):	**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC HẬU GIANG**
Địa chỉ/ *Address*(1):	Số 46A, đường Ngô Quốc Trị, Khu Vực 9, Phường Vị Tân, Thành phố Cần Thơ
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*:	22/07/2026
Thời gian thử nghiệm/ *Testing period*:	22/07/2026 đến 10/08/2026
Tên mẫu/ *Sample Name*(1):	**NƯỚC SẠCH - NHÀ MÁY NƯỚC NGÃ BẢY- Địa chỉ: Khu vực 6, Phường Ngã Bảy, Thành phố Cần Thơ (Hộ dân: Lâm Thị Út Thu – Địa chỉ: 267 Kênh Bà Chồn Bờ Trái, Khu vực Ba Ngàn, Phường Đại Thành, Thành phố Cần Thơ)**
Mô tả mẫu/ *Sample description*:	Mẫu chứa trong can nhựa/ *Sample in plastic cans*.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *TEST RESULTS*
[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

Ghi chú/ *Notes*:
(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.*
(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of Laboratory

Phạm Lê Tiến Khánh

Tổng giám đốc
General Director

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS

Nguyễn Quốc Toàn

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/ *No.*: VLAB0-260722-077/6

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 2/7

Kết quả/ *result*

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
1.	Định lượng *Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus*	SMEWW 9213B:2023(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
2.	Định lượng *Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa*	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
3.	Hàm lượng Antimon (Sb)/ *Antimon (Sb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,0018	-	0,02
4.	Hàm lượng Bari (Ba)/*Barium content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,041	-	1,3
5.	Hàm lượng Boron (B)/ *Boron (B) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,026	-	2,4
6.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/*Cadmium (Cd) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,003
7.	Hàm lượng Chì (Pb)/ *Lead (Pb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
8.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/ *Mercury (Hg) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,001
9.	Hàm lượng Crom (Cr)/*Chromium (Cr) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,05
10.	Hàm lượng Đồng (Cu)/*Copper (Cu) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	1
11.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/ *Zinc (Zn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
12.	Hàm lượng Natri (Na)/ *Sodium (Na) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	13,8	-	200

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
13.	Hàm lượng Mangan (Mn)/*Manganese (Mn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,05	0,1
14.	Hàm lượng Nhôm (Al)/ *Aluminum (Al) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,07	0,2
15.	Hàm lượng Niken (Ni)/ *Nickel (Ni) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
16.	Hàm lượng Sắt (Fe)/ *Iron (Fe) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,3
17.	Hàm lượng Selen (Se)/*Selenium (Se) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,04
18.	Hàm lượng Clorua/ *Chloride content*	SMEWW 4500- Cl B:2023(a)	mg/L	41,1	-	250 (hoặc 300)
19.	Độ cứng/*Hardness*	SMEWW 2340C:2023(a)	$mgCaCO_3/l$	108	-	300
20.	Hàm lượng florua (F-)/ *Flouride (F-) content*	SMEWW 4500 (F-)-D:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5
21.	Hàm lượng Nitrat/ *Nitrate content*	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	11
22.	Hàm lượng Nitrit/*Nitrite content*	TCVN 6178:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,9
23.	Hàm lượng Sunfat (SO_4^{2-})/ *Sulfate content*	SMEWW 2- 4500 (SO4) - E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	12,5	250
24.	Hàm lượng Sunfua/*Sulfide content*	TCVN 6637:2000(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	250
25.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/ *Total Dissolved Solids (TDS)*	SMEWW 2540C:2023(a)	mg/L	231	-	1000
26.	Hàm lượng Cyanua tổng/ *Total cyanide content*	SMEWW 4500-CN— E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,05
27.	1,1,1-Trichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	2000
28.	1,2-Dichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	30

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
29.	1,2-Dicloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	50
30.	Tetrachlorocarbon	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	2	2
31.	Dichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
32.	Tetrachloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
33.	Trichloroethene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	8	8
34.	Vinyl clorua/Vinyl chloride	US EPA 8260D (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD=0,07	0,3
35.	Benzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
36.	Ethylbenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
37.	Styrene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
38.	Toluene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	700
39.	Xylene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	500
40.	1,2-Dichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	1000
41.	Monochlorobenzene	VLAB-CH-TP-639 (a)	µg/L	KPH/ND	10	300
42.	Hexaclorobutadiene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
43.	1,2-Dibromo-3-Chloropropane	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
44.	1,2-Dichloropropane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
45.	1,3-Dichloropropene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
46.	Dichloprop	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	100

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
47.	Mecoprop	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
48.	Hydroxyatrazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	10	200
49.	Cyanazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
50.	Bromodichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	60
51.	Bromoform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
52.	Chloroform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
53.	Dibromoacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	70
54.	Dibromochloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
55.	Dichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
56.	Dichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	50
57.	Monochloramine	TCVN 6225-2:2021 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 20	3000
58.	Monochloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	20
59.	Trichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	200
60.	Trichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
61.	Acrylamide	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,5
62.	Epichlorohydrin	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,4
63.	Isoproturon	VLAB-CH-TP-674	µg/L	KPH/ND	9	9

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
64.	Pentachlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	9
65.	Fenoprop	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	9	9
66.	MCPA (2-methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	2	2
67.	2,4-D	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
68.	2,4 DB	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	90
69.	Aldicarb	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
70.	Carbofuran	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	5	5
71.	Trichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
72.	Alachlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
73.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
74.	Chlorpyrifos	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
75.	Chlordane	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	0,2	0,2
76.	Chlorotoluron	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	10	30
77.	DDT và các dẫn xuất/*DDT and derivatives*	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	1	1
78.	Methoxychlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
79.	Molinate	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	6	6
80.	Pendimethalin	VLAB-CH-TP-614(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
81.	Permethrin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
82.	Propanil	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
83.	Simazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	2	2
84.	Trifluralin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
85.	2,4,6-Trichlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	200
86.	Bromate	HD.TN.406: 2023 (LC/MS/MS) (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 1,5	10
87.	Formaldehyde	QUATEST3 1225:2024 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 100	500
88.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 6053:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,02	0,1
89.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 6219:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,3	1,0

Ghi chú/ *Remark(s)*: Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ *For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.*

(*) Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT do khách hàng yêu cầu viện dẫn
Kết luận: Báo cáo kết quả thử nghiệm này có các chỉ tiêu đã phù hợp theo: QCVN 01-1:2024/BYT

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh	Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh *62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City*
Can Tho	Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ *LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City*
Bac Lieu	Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau *479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province*
Ca Mau	Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau *214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province*

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260722-077/1

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 1/7

Tên khách hàng/ *Company*(1):	**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC HẬU GIANG**
Địa chỉ/ *Address*(1):	Số 46A, đường Ngô Quốc Trị, Khu Vực 9, Phường Vị Tân, Thành phố Cần Thơ
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*:	22/07/2026
Thời gian thử nghiệm/ *Testing period*:	22/07/2026 đến 10/08/2026
Tên mẫu/ *Sample Name*(1):	**NƯỚC SẠCH - TRẠM CẤP NƯỚC NGÃ SÁU - Địa chỉ: Ấp Thuận Hưng, Xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ**
Mô tả mẫu/ *Sample description*:	Mẫu chứa trong can nhựa/ *Sample in plastic cans.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *TEST RESULTS*
[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

Ghi chú/ *Notes*:
(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.*
(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of Laboratory

Phạm Lê Tiến Khánh

Tổng giám đốc
General Director

Nguyễn Quốc Toàn

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260722-077/1

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 2/7

Kết quả/ *result*

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
1.	Định lượng *Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus*	SMEWW 9213B:2023(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
2.	Định lượng *Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa*	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
3.	Hàm lượng Antimon (Sb)/ *Antimon (Sb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,0014	-	0,02
4.	Hàm lượng Bari (Ba)/*Barium content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,029	-	1,3
5.	Hàm lượng Boron (B)/ *Boron (B) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,028	-	2,4
6.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/*Cadmium (Cd) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,003
7.	Hàm lượng Chì (Pb)/ *Lead (Pb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
8.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/ *Mercury (Hg) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,001
9.	Hàm lượng Crom (Cr)/*Chromium (Cr) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,05
10.	Hàm lượng Đồng (Cu)/*Copper (Cu) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	1
11.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/ *Zinc (Zn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
12.	Hàm lượng Natri (Na)/ *Sodium (Na) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	23,2	-	200

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ *No.*: VLAB0-260722-077/1

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 3/7

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
13.	Hàm lượng Mangan (Mn)/*Manganese (Mn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	0,095	-	0,1
14.	Hàm lượng Nhôm (Al)/ *Aluminum (Al) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,070	0,2
15.	Hàm lượng Niken (Ni)/ *Nickel (Ni) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
16.	Hàm lượng Sắt (Fe)/ *Iron (Fe) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,3
17.	Hàm lượng Selen (Se)/*Selenium (Se) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,04
18.	Hàm lượng Clorua/ *Chloride content*	SMEWW 4500- Cl B:2023(a)	mg/L	51,6	-	250 (hoặc 300)
19.	Độ cứng/*Hardness*	SMEWW 2340C:2023(a)	$mgCaCO_3/l$	107	-	300
20.	Hàm lượng florua (F-)/ *Flouride (F-) content*	SMEWW 4500 (F-)-D:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5
21.	Hàm lượng Nitrat/ *Nitrate content*	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	11
22.	Hàm lượng Nitrit/*Nitrite content*	TCVN 6178:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,9
23.	Hàm lượng Sunfat (SO_4^{2-})/ *Sulfate content*	SMEWW 2- 4500 (SO4) - E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	12,5	250
24.	Hàm lượng Sunfua/*Sulfide content*	TCVN 6637:2000(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	250
25.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/ *Total Dissolved Solids (TDS)*	SMEWW 2540C:2023(a)	mg/L	269	-	1000
26.	Hàm lượng Cyanua tổng/ *Total cyanide content*	SMEWW 4500-CN— E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,05
27.	1,1,1-Trichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	2000
28.	1,2-Dichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	30

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
29.	1,2-Dicloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	50
30.	Tetrachlorocarbon	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	2	2
31.	Dichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
32.	Tetrachloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
33.	Trichloroethene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	8	8
34.	Vinyl clorua/Vinyl chloride	US EPA 8260D (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD=0,07	0,3
35.	Benzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
36.	Ethylbenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
37.	Styrene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
38.	Toluene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	700
39.	Xylene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	500
40.	1,2-Dichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	1000
41.	Monochlorobenzene	VLAB-CH-TP-639 (a)	µg/L	KPH/ND	10	300
42.	Hexaclorobutadiene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
43.	1,2-Dibromo-3-Chloropropane	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
44.	1,2-Dichloropropane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
45.	1,3-Dichloropropene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
46.	Dichloprop	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	100

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ *No.*: VLAB0-260722-077/1

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 5/7

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
47.	Mecoprop	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
48.	Hydroxyatrazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	10	200
49.	Cyanazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
50.	Bromodichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	60
51.	Bromoform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
52.	Chloroform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
53.	Dibromoacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	70
54.	Dibromochloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
55.	Dichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
56.	Dichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	50
57.	Monochloramine	TCVN 6225-2:2021 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 20	3000
58.	Monochloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	20
59.	Trichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	200
60.	Trichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
61.	Acrylamide	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,5
62.	Epichlorohydrin	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,4
63.	Isoproturon	VLAB-CH-TP-674	µg/L	KPH/ND	9	9

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
64.	Pentachlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	9
65.	Fenoprop	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	9	9
66.	MCPA (2-methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	2	2
67.	2,4-D	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
68.	2,4 DB	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	90
69.	Aldicarb	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
70.	Carbofuran	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	5	5
71.	Trichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
72.	Alachlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
73.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
74.	Chlorpyrifos	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
75.	Chlordane	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	0,2	0,2
76.	Chlorotoluron	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	10	30
77.	DDT và các dẫn xuất/*DDT and derivatives*	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	1	1
78.	Methoxychlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
79.	Molinate	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	6	6
80.	Pendimethalin	VLAB-CH-TP-614(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
81.	Permethrin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
82.	Propanil	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
83.	Simazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	2	2
84.	Trifluralin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
85.	2,4,6-Trichlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	200
86.	Bromate	HD.TN.406: 2023 (LC/MS/MS) (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 1,5	10
87.	Formaldehyde	QUATEST3 1225:2024 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 100	500
88.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 6053:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,02	0,1
89.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 6219:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,3	1,0

Ghi chú/ *Remark(s)*: Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ *For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.*

(*) Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT do khách hàng yêu cầu viện dẫn

Kết luận: Báo cáo kết quả thử nghiệm này có các chỉ tiêu đã phù hợp theo: QCVN 01-1:2024/BYT

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh	Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh *62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City*
Can Tho	Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ *LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City*
Bac Lieu	Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau *479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province*
Ca Mau	Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau *214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province*

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VietLabs
Your Trusted Partner

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260722-077/2

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 1/7

Tên khách hàng/ *Company*(1):	**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC HẬU GIANG**
Địa chỉ/ *Address*(1):	Số 46A, đường Ngô Quốc Trị, Khu Vực 9, Phường Vị Tân, Thành phố Cần Thơ
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*:	22/07/2026
Thời gian thử nghiệm/ *Testing period*:	22/07/2026 đến 10/08/2026
Tên mẫu/ *Sample Name*(1):	**NƯỚC SẠCH - TRẠM CẤP NƯỚC NGÃ SÁU - Địa chỉ: Ấp Thuận Hưng, Xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ (Hộ dân: Nguyễn Hữu Toàn – Địa chỉ: Ấp Phú Nghĩa, Xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ)**
Mô tả mẫu/ *Sample description*:	Mẫu chứa trong can nhựa/ *Sample in plastic cans.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *TEST RESULTS*
[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

Ghi chú/ *Notes*:
(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.*
(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of Laboratory

Phạm Lê Tiến Khánh

Tổng giám đốc
General Director

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS

Nguyễn Quốc Toàn

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/ *No.*: VLAB0-260722-077/2

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 2/7

Kết quả/ *result*

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
1.	Định lượng *Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus*	SMEWW 9213B:2023(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
2.	Định lượng *Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa*	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
3.	Hàm lượng Antimon (Sb)/ *Antimon (Sb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,0016	-	0,02
4.	Hàm lượng Bari (Ba)/*Barium content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,032	-	1,3
5.	Hàm lượng Boron (B)/ *Boron (B) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,029	-	2,4
6.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/*Cadmium (Cd) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,003
7.	Hàm lượng Chì (Pb)/ *Lead (Pb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
8.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/ *Mercury (Hg) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,001
9.	Hàm lượng Crom (Cr)/*Chromium (Cr) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,05
10.	Hàm lượng Đồng (Cu)/*Copper (Cu) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	1
11.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/ *Zinc (Zn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
12.	Hàm lượng Natri (Na)/ *Sodium (Na) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	21,9	-	200

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
13.	Hàm lượng Mangan (Mn)/*Manganese (Mn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,05	0,1
14.	Hàm lượng Nhôm (Al)/ *Aluminum (Al) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,07	0,2
15.	Hàm lượng Niken (Ni)/ *Nickel (Ni) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
16.	Hàm lượng Sắt (Fe)/ *Iron (Fe) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,3
17.	Hàm lượng Selen (Se)/*Selenium (Se) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,04
18.	Hàm lượng Clorua/ *Chloride content*	SMEWW 4500- Cl B:2023(a)	mg/L	47,5	-	250 (hoặc 300)
19.	Độ cứng/*Hardness*	SMEWW 2340C:2023(a)	$mgCaCO_3/l$	100	-	300
20.	Hàm lượng florua (F-)/ *Flouride (F-) content*	SMEWW 4500 (F-)-D:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5
21.	Hàm lượng Nitrat/ *Nitrate content*	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	11
22.	Hàm lượng Nitrit/*Nitrite content*	TCVN 6178:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,9
23.	Hàm lượng Sunfat (SO_4^{2-})/ *Sulfate content*	SMEWW 2- 4500 (SO4) - E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	12,5	250
24.	Hàm lượng Sunfua/*Sulfide content*	TCVN 6637:2000(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	250
25.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/ *Total Dissolved Solids (TDS)*	SMEWW 2540C:2023(a)	mg/L	257	-	1000
26.	Hàm lượng Cyanua tổng/ *Total cyanide content*	SMEWW 4500-CN— E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,05
27.	1,1,1-Trichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	2000
28.	1,2-Dichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	30

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
29.	1,2-Dicloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	50
30.	Tetrachlorocarbon	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	2	2
31.	Dichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
32.	Tetrachloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
33.	Trichloroethene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	8	8
34.	Vinyl clorua/Vinyl chloride	US EPA 8260D (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD=0,07	0,3
35.	Benzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
36.	Ethylbenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
37.	Styrene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
38.	Toluene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	700
39.	Xylene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	500
40.	1,2-Dichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	1000
41.	Monochlorobenzene	VLAB-CH-TP-639 (a)	µg/L	KPH/ND	10	300
42.	Hexaclorobutadiene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
43.	1,2-Dibromo-3-Chloropropane	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
44.	1,2-Dichloropropane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
45.	1,3-Dichloropropene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
46.	Dichloprop	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	100

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ *No.*: VLAB0-260722-077/2

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 5/7

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
47.	Mecoprop	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
48.	Hydroxyatrazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	10	200
49.	Cyanazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
50.	Bromodichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	60
51.	Bromoform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
52.	Chloroform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
53.	Dibromoacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	70
54.	Dibromochloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
55.	Dichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
56.	Dichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	50
57.	Monochloramine	TCVN 6225-2:2021 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 20	3000
58.	Monochloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	20
59.	Trichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	200
60.	Trichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
61.	Acrylamide	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,5
62.	Epichlorohydrin	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,4
63.	Isoproturon	VLAB-CH-TP-674	µg/L	KPH/ND	9	9

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
64.	Pentachlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	9
65.	Fenoprop	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	9	9
66.	MCPA (2-methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	2	2
67.	2,4-D	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
68.	2,4 DB	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	90
69.	Aldicarb	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
70.	Carbofuran	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	5	5
71.	Trichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
72.	Alachlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
73.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
74.	Chlorpyrifos	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
75.	Chlordane	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	0,2	0,2
76.	Chlorotoluron	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	10	30
77.	DDT và các dẫn xuất/*DDT and derivatives*	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	1	1
78.	Methoxychlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
79.	Molinate	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	6	6
80.	Pendimethalin	VLAB-CH-TP-614(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
81.	Permethrin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
82.	Propanil	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
83.	Simazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	2	2
84.	Trifluralin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
85.	2,4,6-Trichlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	200
86.	Bromate	HD.TN.406: 2023 (LC/MS/MS) (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 1,5	10
87.	Formaldehyde	QUATEST3 1225:2024 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 100	500
88.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 6053:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,02	0,1
89.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 6219:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,3	1,0

Ghi chú/ *Remark(s)*: Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ *For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.*

(*) Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT do khách hàng yêu cầu viện dẫn
Kết luận: Báo cáo kết quả thử nghiệm này có các chỉ tiêu đã phù hợp theo: QCVN 01-1:2024/BYT

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh	Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh *62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City*
Can Tho	Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ *LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City*
Bac Lieu	Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau *479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province*
Ca Mau	Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau *214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province*

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VietLabs
Your Trusted Partner

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260722-077/3

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 1/7

Tên khách hàng/ *Company*(1):	**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC HẬU GIANG**
Địa chỉ/ *Address*(1):	Số 46A, đường Ngô Quốc Trị, Khu Vực 9, Phường Vị Tân, Thành phố Cần Thơ
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*:	22/07/2026
Thời gian thử nghiệm/ *Testing period*:	22/07/2026 đến 10/08/2026
Tên mẫu/ *Sample Name*(1):	**NƯỚC SẠCH - TRẠM CẤP NƯỚC NGÃ SÁU - Địa chỉ: Ấp Thuận Hưng, Xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ (Hộ dân: Đoàn Văn Vũ – Địa chỉ: Ấp Thuận Hưng, Xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ)**
Mô tả mẫu/ *Sample description*:	Mẫu chứa trong can nhựa/ *Sample in plastic cans.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *TEST RESULTS*
[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

Ghi chú/ *Notes*:
(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.*
(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of Laboratory

Phạm Lê Tiến Khánh

Tổng giám đốc
General Director

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS

Nguyễn Quốc Toàn

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/ *No.*: VLAB0-260722-077/3

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 2/7

Kết quả/ *result*

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
1.	Định lượng *Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus*	SMEWW 9213B:2023(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
2.	Định lượng *Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa*	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
3.	Hàm lượng Antimon (Sb)/ *Antimon (Sb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,0016	-	0,02
4.	Hàm lượng Bari (Ba)/*Barium content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,034	-	1,3
5.	Hàm lượng Boron (B)/ *Boron (B) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,037	-	2,4
6.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/*Cadmium (Cd) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,003
7.	Hàm lượng Chì (Pb)/ *Lead (Pb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
8.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/ *Mercury (Hg) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,001
9.	Hàm lượng Crom (Cr)/*Chromium (Cr) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,05
10.	Hàm lượng Đồng (Cu)/*Copper (Cu) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	1
11.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/ *Zinc (Zn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
12.	Hàm lượng Natri (Na)/ *Sodium (Na) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	22,5	-	200

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
13.	Hàm lượng Mangan (Mn)/*Manganese (Mn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	0,052	-	0,1
14.	Hàm lượng Nhôm (Al)/ *Aluminum (Al) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,07	0,2
15.	Hàm lượng Niken (Ni)/ *Nickel (Ni) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
16.	Hàm lượng Sắt (Fe)/ *Iron (Fe) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,3
17.	Hàm lượng Selen (Se)/*Selenium (Se) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,04
18.	Hàm lượng Clorua/ *Chloride content*	SMEWW 4500- Cl B:2023(a)	mg/L	52,1	-	250 (hoặc 300)
19.	Độ cứng/*Hardness*	SMEWW 2340C:2023(a)	$mgCaCO_3/l$	104	-	300
20.	Hàm lượng florua (F-)/ *Flouride (F-) content*	SMEWW 4500 (F-)-D:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5
21.	Hàm lượng Nitrat/ *Nitrate content*	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	11
22.	Hàm lượng Nitrit/*Nitrite content*	TCVN 6178:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,9
23.	Hàm lượng Sunfat (SO_4^{2-})/ *Sulfate content*	SMEWW 2- 4500 (SO4) - E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	12,5	250
24.	Hàm lượng Sunfua/*Sulfide content*	TCVN 6637:2000(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	250
25.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/ *Total Dissolved Solids (TDS)*	SMEWW 2540C:2023(a)	mg/L	270	-	1000
26.	Hàm lượng Cyanua tổng/ *Total cyanide content*	SMEWW 4500-CN—E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,05
27.	1,1,1-Trichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	2000
28.	1,2-Dichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	30

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
29.	1,2-Dicloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	50
30.	Tetrachlorocarbon	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	2	2
31.	Dichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
32.	Tetrachloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
33.	Trichloroethene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	8	8
34.	Vinyl clorua/Vinyl chloride	US EPA 8260D (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD=0,07	0,3
35.	Benzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
36.	Ethylbenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
37.	Styrene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
38.	Toluene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	700
39.	Xylene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	500
40.	1,2-Dichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	1000
41.	Monochlorobenzene	VLAB-CH-TP-639 (a)	µg/L	KPH/ND	10	300
42.	Hexaclorobutadiene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
43.	1,2-Dibromo-3-Chloropropane	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
44.	1,2-Dichloropropane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
45.	1,3-Dichloropropene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
46.	Dichloprop	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	100

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
47.	Mecoprop	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
48.	Hydroxyatrazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	10	200
49.	Cyanazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
50.	Bromodichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	60
51.	Bromoform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
52.	Chloroform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
53.	Dibromoacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	70
54.	Dibromochloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
55.	Dichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
56.	Dichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	50
57.	Monochloramine	TCVN 6225-2:2021 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 20	3000
58.	Monochloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	20
59.	Trichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	200
60.	Trichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
61.	Acrylamide	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,5
62.	Epichlorohydrin	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,4
63.	Isoproturon	VLAB-CH-TP-674	µg/L	KPH/ND	9	9

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
64.	Pentachlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	9
65.	Fenoprop	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	9	9
66.	MCPA (2-methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	2	2
67.	2,4-D	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
68.	2,4 DB	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	90
69.	Aldicarb	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
70.	Carbofuran	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	5	5
71.	Trichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
72.	Alachlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
73.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
74.	Chlorpyrifos	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
75.	Chlordane	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	0,2	0,2
76.	Chlorotoluron	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	10	30
77.	DDT và các dẫn xuất/*DDT and derivatives*	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	1	1
78.	Methoxychlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
79.	Molinate	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	6	6
80.	Pendimethalin	VLAB-CH-TP-614(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
81.	Permethrin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
82.	Propanil	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
83.	Simazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	2	2
84.	Trifluralin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
85.	2,4,6-Trichlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	200
86.	Bromate	HD.TN.406: 2023 (LC/MS/MS) (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 1,5	10
87.	Formaldehyde	QUATEST3 1225:2024 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 100	500
88.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 6053:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,02	0,1
89.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 6219:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,3	1,0

Ghi chú/ *Remark(s)*: Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ *For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.*

(*) Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT do khách hàng yêu cầu viện dẫn
Kết luận: Báo cáo kết quả thử nghiệm này có các chỉ tiêu đã phù hợp theo: QCVN 01-1:2024/BYT

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260723-069/7

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 1/7

Tên khách hàng/ *Company*(1):	**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC HẬU GIANG**
Địa chỉ/ *Address*(1):	Số 46A, đường Ngô Quốc Trị, Khu Vực 9, Phường Vị Tân, Thành phố Cần Thơ
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*:	23/07/2026
Thời gian thử nghiệm/ *Testing period*:	23/07/2026 đến 08/08/2026
Tên mẫu/ *Sample Name*(1):	**NƯỚC SẠCH - TRẠM CẤP NƯỚC ĐÔNG PHÚ - Địa chỉ: Ấp Phú Nhơn, xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ**
Mô tả mẫu/ *Sample description*:	Mẫu chứa trong can nhựa/ *Sample in plastic cans.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *TEST RESULTS*
[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

Ghi chú/ *Notes*:
(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.*
(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of Laboratory

Phạm Lê Tiến Khánh

Tổng giám đốc
General Director

M.S.D.N: 0316652523 - CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS - P. LONG TRƯỜNG - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Quốc Toàn

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Kết quả/ *result*

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
1.	Định lượng *Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus*	SMEWW 9213B:2023(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
2.	Định lượng *Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa*	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
3.	Hàm lượng Antimon (Sb)/ *Antimon (Sb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,0019	-	0,02
4.	Hàm lượng Bari (Ba)/*Barium content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,03	-	1,3
5.	Hàm lượng Boron (B)/ *Boron (B) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,014	-	2,4
6.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/*Cadmium (Cd) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,003
7.	Hàm lượng Chì (Pb)/ *Lead (Pb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
8.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/ *Mercury (Hg) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,001
9.	Hàm lượng Crom (Cr)/*Chromium (Cr) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,05
10.	Hàm lượng Đồng (Cu)/*Copper (Cu) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	1
11.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/ *Zinc (Zn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
12.	Hàm lượng Natri (Na)/ *Sodium (Na) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	8,82	-	200

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
13.	Hàm lượng Mangan (Mn)/*Manganese (Mn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,05	0,1
14.	Hàm lượng Nhôm (Al)/ *Aluminum (Al) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,07	0,2
15.	Hàm lượng Niken (Ni)/ *Nickel (Ni) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
16.	Hàm lượng Sắt (Fe)/ *Iron (Fe) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,3
17.	Hàm lượng Selen (Se)/*Selenium (Se) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,04
18.	Hàm lượng Clorua/ *Chloride content*	SMEWW 4500- Cl B:2023(a)	mg/L	27,7	-	250 (hoặc 300)
19.	Độ cứng/*Hardness*	SMEWW 2340C:2023(a)	$mgCaCO_3/l$	67	-	300
20.	Hàm lượng florua (F-)/ *Flouride (F-) content*	SMEWW 4500 (F-)-D:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5
21.	Hàm lượng Nitrat/ *Nitrate content*	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	11
22.	Hàm lượng Nitrit/*Nitrite content*	TCVN 6178:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,9
23.	Hàm lượng Sunfat (SO_4^{2-})/ *Sulfate content*	SMEWW 2- 4500 (SO4) - E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	12,5	250
24.	Hàm lượng Sunfua/*Sulfide content*	TCVN 6637:2000(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	250
25.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/ *Total Dissolved Solids (TDS)*	SMEWW 2540C:2023(a)	mg/L	147	-	1000
26.	Hàm lượng Cyanua tổng/ *Total cyanide content*	SMEWW 4500-CN— E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,05
27.	1,1,1-Trichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	2000
28.	1,2-Dichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	30

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
29.	1,2-Dicloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	50
30.	Tetrachlorocarbon	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	2	2
31.	Dichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
32.	Tetrachloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
33.	Trichloroethene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	8	8
34.	Vinyl clorua/Vinyl chloride	US EPA 8260D (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD=0,07	0,3
35.	Benzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
36.	Ethylbenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
37.	Styrene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
38.	Toluene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	700
39.	Xylene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	500
40.	1,2-Dichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	1000
41.	Monochlorobenzene	VLAB-CH-TP-639 (a)	µg/L	KPH/ND	10	300
42.	Hexaclorobutadiene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
43.	1,2-Dibromo-3-Chloropropane	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
44.	1,2-Dichloropropane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
45.	1,3-Dichloropropene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
46.	Dichloprop	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	100

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
47.	Mecoprop	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
48.	Hydroxyatrazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	10	200
49.	Cyanazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
50.	Bromodichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	60
51.	Bromoform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
52.	Chloroform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
53.	Dibromoacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	70
54.	Dibromochloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
55.	Dichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
56.	Dichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	8,99	-	50
57.	Monochloramine	TCVN 6225-2:2021 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 20	3000
58.	Monochloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	20
59.	Trichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	200
60.	Trichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
61.	Acrylamide	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,5
62.	Epichlorohydrin	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,4
63.	Isoproturon	VLAB-CH-TP-674	µg/L	KPH/ND	9	9

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
64.	Pentachlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	9
65.	Fenoprop	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	9	9
66.	MCPA (2-methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	2	2
67.	2,4-D	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
68.	2,4 DB	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	90
69.	Aldicarb	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
70.	Carbofuran	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	5	5
71.	Trichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
72.	Alachlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
73.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
74.	Chlorpyrifos	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
75.	Chlordane	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	0,2	0,2
76.	Chlorotoluron	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	10	30
77.	DDT và các dẫn xuất/*DDT and derivatives*	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	1	1
78.	Methoxychlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
79.	Molinate	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	6	6
80.	Pendimethalin	VLAB-CH-TP-614(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
81.	Permethrin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
82.	Propanil	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
83.	Simazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	2	2
84.	Trifluralin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
85.	2,4,6-Trichlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	200
86.	Bromate	HD.TN.406: 2023 (LC/MS/MS) (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 1,5	10
87.	Formaldehyde	QUATEST3 1225:2024 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 100	500
88.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 6053:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,02	0,1
89.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 6219:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,3	1,0

Ghi chú/ *Remark(s)*: Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ *For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.*

(*) Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT do khách hàng yêu cầu viện dẫn
Kết luận: Báo cáo kết quả thử nghiệm này có các chỉ tiêu đã phù hợp theo: QCVN 01-1:2024/BYT

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh	Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh *62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City*
Can Tho	Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ *LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City*
Bac Lieu	Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau *479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province*
Ca Mau	Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau *214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province*

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VietLabs
Your Trusted Partner

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260723-069/8-V1/2

Ngày phát hành/ *Issue date* : 17/08/2026
Trang/ *Page* : 1/7

Tên khách hàng/ *Company*(1):	**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC HẬU GIANG**
Địa chỉ/ *Address*(1):	Số 46A, đường Ngô Quốc Trị, Khu Vực 9, Phường Vị Tân, Thành phố Cần Thơ
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*:	23/07/2026
Thời gian thử nghiệm/ *Testing period*:	23/07/2026 đến 08/08/2026
Tên mẫu/ *Sample Name*(1):	**NƯỚC SẠCH - TRẠM CẤP NƯỚC ĐÔNG PHÚ - Địa chỉ: Ấp Phú Nhơn, xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ (Hộ dân: Dương Thị Bạch - Địa chỉ: Ấp Phú Nhơn, xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ)**
Mô tả mẫu/ *Sample description*:	Mẫu chứa trong can nhựa/ *Sample in plastic cans.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *TEST RESULTS*
[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

Ghi chú/ *Notes*:
(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.*
(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of Laboratory

Phạm Lê Tiến Khánh

Tổng giám đốc
General Director

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS

Nguyễn Quốc Toàn

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh	Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh *62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City*
Can Tho	Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ *LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City*
Bac Lieu	Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau *479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province*
Ca Mau	Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau *214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province*

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260723-069/8-V1/2

Ngày phát hành/ *Issue date* : 17/08/2026

Kết quả/ *result*

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
1.	Định lượng *Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus*	SMEWW 9213B:2023(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
2.	Định lượng *Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa*	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
3.	Hàm lượng Antimon (Sb)/ *Antimon (Sb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,02
4.	Hàm lượng Bari (Ba)/*Barium content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,036	-	1,3
5.	Hàm lượng Boron (B)/ *Boron (B) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,18	-	2,4
6.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/*Cadmium (Cd) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,003
7.	Hàm lượng Chì (Pb)/ *Lead (Pb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
8.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/ *Mercury (Hg) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,001
9.	Hàm lượng Crom (Cr)/*Chromium (Cr) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,05
10.	Hàm lượng Đồng (Cu)/*Copper (Cu) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	1
11.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/ *Zinc (Zn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
12.	Hàm lượng Natri (Na)/ *Sodium (Na) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	108	-	200

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
13.	Hàm lượng Mangan (Mn)/*Manganese (Mn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,05	0,1
14.	Hàm lượng Nhôm (Al)/ *Aluminum (Al) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,07	0,2
15.	Hàm lượng Niken (Ni)/ *Nickel (Ni) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
16.	Hàm lượng Sắt (Fe)/ *Iron (Fe) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,3
17.	Hàm lượng Selen (Se)/*Selenium (Se) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,04
18.	Hàm lượng Clorua/ *Chloride content*	SMEWW 4500- Cl B:2023(a)	mg/L	19,9	-	250 (hoặc 300)
19.	Hàm lượng florua (F-)/ *Flouride (F-) content*	SMEWW 4500 (F-)-D:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5
20.	Hàm lượng Nitrat/ *Nitrate content*	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	11
21.	Hàm lượng Nitrit/*Nitrite content*	TCVN 6178:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,9
22.	Hàm lượng Sunfat (SO_4^{2-})/ *Sulfate content*	SMEWW 2- 4500 (SO4) - E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	12,5	250
23.	Hàm lượng Sunfua/*Sulfide content*	TCVN 6637:2000(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	250
24.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/ *Total Dissolved Solids (TDS)*	SMEWW 2540C:2023(a)	mg/L	796	-	1000
25.	Hàm lượng Cyanua tổng/ *Total cyanide content*	SMEWW 4500-CN— E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,05
26.	1,1,1-Trichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	2000
27.	1,2-Dichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
28.	1,2-Dicloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	50

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
29.	Tetrachlorocarbon	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	2	2
30.	Dichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
31.	Tetrachloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
32.	Trichloroethene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	8	8
33.	Vinyl clorua/Vinyl chloride	US EPA 8260D (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD=0,07	0,3
34.	Benzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
35.	Ethylbenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
36.	Styrene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
37.	Toluene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	700
38.	Xylene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	500
39.	1,2-Dichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	1000
40.	Monochlorobenzene	VLAB-CH-TP-639 (a)	µg/L	KPH/ND	10	300
41.	Hexaclorobutadiene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
42.	1,2-Dibromo-3-Chloropropane	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
43.	1,2-Dichloropropane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
44.	1,3-Dichloropropene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
45.	Dichloprop	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
46.	Mecoprop	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01,	µg/L	KPH/ND	10	10

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
		BS EN 15662:2008)(a)				
47.	Hydroxyatrazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	10	200
48.	Cyanazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
49.	Bromodichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	60
50.	Bromoform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
51.	Chloroform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
52.	Dibromoacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	70
53.	Dibromochloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
54.	Dichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
55.	Dichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	50
56.	Monochloramine	TCVN 6225-2:2021 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 20	3000
57.	Monochloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	20
58.	Trichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	200
59.	Trichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
60.	Acrylamide	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,5
61.	Epichlorohydrin	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,4
62.	Isoproturon	VLAB-CH-TP-674	µg/L	KPH/ND	9	9

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
63.	Pentachlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	9
64.	Fenoprop	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	9	9
65.	MCPA (2-methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	2	2
66.	2,4-D	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
67.	2,4 DB	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	90
68.	Aldicarb	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
69.	Carbofuran	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	5	5
70.	Trichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
71.	Alachlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
72.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
73.	Chlorpyrifos	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
74.	Chlordane	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	0,2	0,2
75.	Chlorotoluron	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	10	30
76.	DDT và các dẫn xuất/*DDT and derivatives*	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	1	1
77.	Methoxychlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
78.	Molinate	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	6	6
79.	Pendimethalin	VLAB-CH-TP-614(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
80.	Permethrin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
81.	Propanil	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
82.	Simazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	2	2
83.	Trifluralin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
84.	2,4,6-Trichlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	200
85.	Bromate	HD.TN.406: 2023 (LC/MS/MS) (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 1,5	10
86.	Formaldehyde	QUATEST3 1225:2024 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 100	500
87.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 6053:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,02	0,1
88.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 6219:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,3	1,0

Ghi chú/ *Remark(s)*: Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ *For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.*

(*) Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT do khách hàng yêu cầu viện dẫn

Kết luận:

- Báo cáo kết quả thử nghiệm này có các chỉ tiêu phù hợp theo: QCVN 01-1:2024/BYT

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

VALAS 160

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260723-069/9-V1/2

Ngày phát hành/ *Issue date* : 17/08/2026
Trang/ *Page* : 1/7

Tên khách hàng/ *Company*(1):	**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC HẬU GIANG**
Địa chỉ/ *Address*(1):	Số 46A, đường Ngô Quốc Trị, Khu Vực 9, Phường Vị Tân, Thành phố Cần Thơ
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*:	23/07/2026
Thời gian thử nghiệm/ *Testing period*:	23/07/2026 đến 08/08/2026
Tên mẫu/ *Sample Name*(1):	**NƯỚC SẠCH - TRẠM CẤP NƯỚC ĐÔNG PHÚ - Địa chỉ: Ấp Phú Nhơn, xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ (Hộ dân: Nguyễn Thị Khen - Địa chỉ: Ấp Phú Nhơn, xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ**
Mô tả mẫu/ *Sample description*:	Mẫu chứa trong can nhựa/ *Sample in plastic cans.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *TEST RESULTS*
[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

Ghi chú/ *Notes*:
(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.*
(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of Laboratory

Phạm Lê Tiến Khánh

Tổng giám đốc
General Director

Nguyễn Quốc Toàn

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Kết quả/ *result*

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
1.	Định lượng *Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus*	SMEWW 9213B:2023(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
2.	Định lượng *Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa*	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
3.	Hàm lượng Antimon (Sb)/ *Antimon (Sb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,02
4.	Hàm lượng Bari (Ba)/*Barium content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,036	-	1,3
5.	Hàm lượng Boron (B)/ *Boron (B) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,13	-	2,4
6.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/*Cadmium (Cd) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,003
7.	Hàm lượng Chì (Pb)/ *Lead (Pb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
8.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/ *Mercury (Hg) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,001
9.	Hàm lượng Crom (Cr)/*Chromium (Cr) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,05
10.	Hàm lượng Đồng (Cu)/*Copper (Cu) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	1
11.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/ *Zinc (Zn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
12.	Hàm lượng Natri (Na)/ *Sodium (Na) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	113	-	200

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
13.	Hàm lượng Mangan (Mn)/*Manganese (Mn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,05	0,1
14.	Hàm lượng Nhôm (Al)/ *Aluminum (Al) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,07	0,2
15.	Hàm lượng Niken (Ni)/ *Nickel (Ni) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
16.	Hàm lượng Sắt (Fe)/ *Iron (Fe) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,3
17.	Hàm lượng Selen (Se)/*Selenium (Se) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,04
18.	Hàm lượng Clorua/ *Chloride content*	SMEWW 4500- Cl B:2023(a)	mg/L	18,1	-	250 (hoặc 300)
19.	Hàm lượng florua (F-)/ *Flouride (F-) content*	SMEWW 4500 (F-)-D:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5
20.	Hàm lượng Nitrat/ *Nitrate content*	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	11
21.	Hàm lượng Nitrit/*Nitrite content*	TCVN 6178:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,9
22.	Hàm lượng Sunfat (SO_4^{2-})/ *Sulfate content*	SMEWW 2- 4500 (SO4) - E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	12,5	250
23.	Hàm lượng Sunfua/*Sulfide content*	TCVN 6637:2000(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	250
24.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/ *Total Dissolved Solids (TDS)*	SMEWW 2540C:2023(a)	mg/L	830	-	1000
25.	Hàm lượng Cyanua tổng/ *Total cyanide content*	SMEWW 4500-CN— E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,05
26.	1,1,1-Trichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	2000
27.	1,2-Dichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
28.	1,2-Dicloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	50

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
29.	Tetrachlorocarbon	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	2	2
30.	Dichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
31.	Tetrachloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
32.	Trichloroethene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	8	8
33.	Vinyl clorua/Vinyl chloride	US EPA 8260D (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD=0,07	0,3
34.	Benzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
35.	Ethylbenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
36.	Styrene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
37.	Toluene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	700
38.	Xylene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	500
39.	1,2-Dichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	1000
40.	Monochlorobenzene	VLAB-CH-TP-639 (a)	µg/L	KPH/ND	10	300
41.	Hexaclorobutadiene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
42.	1,2-Dibromo-3-Chloropropane	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
43.	1,2-Dichloropropane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
44.	1,3-Dichloropropene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
45.	Dichloprop	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
46.	Mecoprop	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01,	µg/L	KPH/ND	10	10

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
		BS EN 15662:2008)(a)				
47.	Hydroxyatrazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	10	200
48.	Cyanazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
49.	Bromodichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	60
50.	Bromoform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
51.	Chloroform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
52.	Dibromoacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	70
53.	Dibromochloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
54.	Dichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
55.	Dichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	50
56.	Monochloramine	TCVN 6225-2:2021 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 20	3000
57.	Monochloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	20
58.	Trichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	200
59.	Trichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
60.	Acrylamide	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,5
61.	Epichlorohydrin	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,4
62.	Isoproturon	VLAB-CH-TP-674	µg/L	KPH/ND	9	9

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
63.	Pentachlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	9
64.	Fenoprop	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	9	9
65.	MCPA (2-methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	2	2
66.	2,4-D	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
67.	2,4 DB	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	90
68.	Aldicarb	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
69.	Carbofuran	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	5	5
70.	Trichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
71.	Alachlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
72.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
73.	Chlorpyrifos	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
74.	Chlordane	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	0,2	0,2
75.	Chlorotoluron	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	10	30
76.	DDT và các dẫn xuất/*DDT and derivatives*	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	1	1
77.	Methoxychlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
78.	Molinate	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	6	6
79.	Pendimethalin	VLAB-CH-TP-614(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
80.	Permethrin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
81.	Propanil	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
82.	Simazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	2	2
83.	Trifluralin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
84.	2,4,6-Trichlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	200
85.	Bromate	HD.TN.406: 2023 (LC/MS/MS) (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 1,5	10
86.	Formaldehyde	QUATEST3 1225:2024 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 100	500
87.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 6053:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,02	0,1
88.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 6219:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,3	1,0

Ghi chú/ *Remark(s)*: Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ *For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.*

(*) Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT do khách hàng yêu cầu viện dẫn

Kết luận:

- Báo cáo kết quả thử nghiệm này có các chỉ tiêu phù hợp theo: QCVN 01-1:2024/BYT

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh	Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh *62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City*
Can Tho	Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ *LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City*
Bac Lieu	Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau *479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province*
Ca Mau	Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau *214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province*

VietLabs
Your Trusted Partner

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260723-069/4

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 1/7

Tên khách hàng/ *Company*(1):	**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC HẬU GIANG**
Địa chỉ/ *Address*(1):	Số 46A, đường Ngô Quốc Trị, Khu Vực 9, Phường Vị Tân, Thành phố Cần Thơ
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*:	23/07/2026
Thời gian thử nghiệm/ *Testing period*:	23/07/2026 đến 08/08/2026
Tên mẫu/ *Sample Name*(1):	**NƯỚC SẠCH - TRẠM CẤP NƯỚC TÂN BÌNH - Địa chỉ: Ấp Tân Long A, xã Tân Bình, Thành phố Cần Thơ**
Mô tả mẫu/ *Sample description*:	Mẫu chứa trong can nhựa/ *Sample in plastic cans.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *TEST RESULTS*

[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

Ghi chú/ *Notes*:

(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*

(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*

(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*

(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*

(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*

(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.*

(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*

Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of Laboratory

Phạm Lê Tiến Khánh

Tổng giám đốc
General Director

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS

Nguyễn Quốc Toàn

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh	Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh *62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City*
Can Tho	Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ *LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City*
Bac Lieu	Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau *479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province*
Ca Mau	Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau *214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province*

Kết quả/ *result*

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
1.	Định lượng *Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus*	SMEWW 9213B:2023(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
2.	Định lượng *Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa*	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
3.	Hàm lượng Antimon (Sb)/ *Antimon (Sb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,0015	-	0,02
4.	Hàm lượng Bari (Ba)/*Barium content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,024	-	1,3
5.	Hàm lượng Boron (B)/ *Boron (B) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,046	-	2,4
6.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/*Cadmium (Cd) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,003
7.	Hàm lượng Chì (Pb)/ *Lead (Pb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
8.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/ *Mercury (Hg) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,001
9.	Hàm lượng Crom (Cr)/*Chromium (Cr) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,05
10.	Hàm lượng Đồng (Cu)/*Copper (Cu) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	1
11.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/ *Zinc (Zn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
12.	Hàm lượng Natri (Na)/ *Sodium (Na) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	20,2	-	200

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
13.	Hàm lượng Mangan (Mn)/*Manganese (Mn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	0,082	-	0,1
14.	Hàm lượng Nhôm (Al)/ *Aluminum (Al) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,07	0,2
15.	Hàm lượng Niken (Ni)/ *Nickel (Ni) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
16.	Hàm lượng Sắt (Fe)/ *Iron (Fe) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,3
17.	Hàm lượng Selen (Se)/*Selenium (Se) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,04
18.	Hàm lượng Clorua/ *Chloride content*	SMEWW 4500- Cl B:2023(a)	mg/L	58,1	-	250 (hoặc 300)
19.	Độ cứng/*Hardness*	SMEWW 2340C:2023(a)	$mgCaCO_3/l$	114	-	300
20.	Hàm lượng florua (F-)/ *Flouride (F-) content*	SMEWW 4500 (F-)-D:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5
21.	Hàm lượng Nitrat/ *Nitrate content*	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	11
22.	Hàm lượng Nitrit/*Nitrite content*	TCVN 6178:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,9
23.	Hàm lượng Sunfat (SO_4^{2-})/ *Sulfate content*	SMEWW 2- 4500 (SO4) - E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	12,5	250
24.	Hàm lượng Sunfua/*Sulfide content*	TCVN 6637:2000(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	250
25.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/ *Total Dissolved Solids (TDS)*	SMEWW 2540C:2023(a)	mg/L	283	-	1000
26.	Hàm lượng Cyanua tổng/ *Total cyanide content*	SMEWW 4500-CN— E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,05
27.	1,1,1-Trichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	2000
28.	1,2-Dichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	30

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
29.	1,2-Dicloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	50
30.	Tetrachlorocarbon	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	2	2
31.	Dichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
32.	Tetrachloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
33.	Trichloroethene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	8	8
34.	Vinyl clorua/Vinyl chloride	US EPA 8260D (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD=0,07	0,3
35.	Benzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
36.	Ethylbenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
37.	Styrene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
38.	Toluene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	700
39.	Xylene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	500
40.	1,2-Dichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	1000
41.	Monochlorobenzene	VLAB-CH-TP-639 (a)	µg/L	KPH/ND	10	300
42.	Hexaclorobutadiene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
43.	1,2-Dibromo-3-Chloropropane	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
44.	1,2-Dichloropropane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
45.	1,3-Dichloropropene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
46.	Dichloprop	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	100

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
47.	Mecoprop	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
48.	Hydroxyatrazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	10	200
49.	Cyanazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
50.	Bromodichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	60
51.	Bromoform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
52.	Chloroform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
53.	Dibromoacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	70
54.	Dibromochloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
55.	Dichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
56.	Dichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	50
57.	Monochloramine	TCVN 6225-2:2021 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 20	3000
58.	Monochloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	20
59.	Trichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	200
60.	Trichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
61.	Acrylamide	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,5
62.	Epichlorohydrin	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,4
63.	Isoproturon	VLAB-CH-TP-674	µg/L	KPH/ND	9	9

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
64.	Pentachlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	9
65.	Fenoprop	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	9	9
66.	MCPA (2-methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	2	2
67.	2,4-D	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
68.	2,4 DB	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	90
69.	Aldicarb	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
70.	Carbofuran	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	5	5
71.	Trichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
72.	Alachlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
73.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
74.	Chlorpyrifos	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
75.	Chlordane	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	0,2	0,2
76.	Chlorotoluron	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	10	30
77.	DDT và các dẫn xuất/*DDT and derivatives*	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	1	1
78.	Methoxychlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
79.	Molinate	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	6	6
80.	Pendimethalin	VLAB-CH-TP-614(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
81.	Permethrin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
82.	Propanil	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
83.	Simazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	2	2
84.	Trifluralin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
85.	2,4,6-Trichlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	200
86.	Bromate	HD.TN.406: 2023 (LC/MS/MS) (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 1,5	10
87.	Formaldehyde	QUATEST3 1225:2024 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 100	500
88.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 6053:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,02	0,1
89.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 6219:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,3	1,0

Ghi chú/ *Remark(s)*: Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ *For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.*

(*) Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT do khách hàng yêu cầu viện dẫn
Kết luận: Báo cáo kết quả thử nghiệm này có các chỉ tiêu đã phù hợp theo: QCVN 01-1:2024/BYT

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

VALAS 160

VietLabs
Your Trusted Partner

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh	Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh *62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City*
Can Tho	Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ *LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City*
Bac Lieu	Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau *479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province*
Ca Mau	Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau *214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province*

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VietLabs
Your Trusted Partner

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260723-069/5

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 1/7

Tên khách hàng/ *Company*(1):	**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC HẬU GIANG**
Địa chỉ/ *Address*(1):	Số 46A, đường Ngô Quốc Trị, Khu Vực 9, Phường Vị Tân, Thành phố Cần Thơ
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*:	23/07/2026
Thời gian thử nghiệm/ *Testing period*:	23/07/2026 đến 08/08/2026
Tên mẫu/ *Sample Name*(1):	**NƯỚC SẠCH - TRẠM CẤP NƯỚC TÂN BÌNH - Địa chỉ: Ấp Tân Long A, xã Tân Bình, Thành phố Cần Thơ (Hộ dân: Trương Thành Phương – Địa chỉ: Ấp 6, Xã Hòa An, Thành phố Cần Thơ)**
Mô tả mẫu/ *Sample description*:	Mẫu chứa trong can nhựa/ *Sample in plastic cans*.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *TEST RESULTS*
[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

Ghi chú/ *Notes*:
(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.*
(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of Laboratory

Phạm Lê Tiến Khánh

Tổng giám đốc
General Director

M.S.D.N: 0316652... CÔNG TY ... CỔ PHẦN ... CÔNG NGHỆ VIETLABS P. LONG TRƯỜNG - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Quốc Toàn

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Kết quả/ *result*

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
1.	Định lượng *Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus*	SMEWW 9213B:2023(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
2.	Định lượng *Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa*	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
3.	Hàm lượng Antimon (Sb)/ *Antimon (Sb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,0015	-	0,02
4.	Hàm lượng Bari (Ba)/*Barium content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,023	-	1,3
5.	Hàm lượng Boron (B)/ *Boron (B) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,059	-	2,4
6.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/*Cadmium (Cd) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,003
7.	Hàm lượng Chì (Pb)/ *Lead (Pb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
8.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/ *Mercury (Hg) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,001
9.	Hàm lượng Crom (Cr)/*Chromium (Cr) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,05
10.	Hàm lượng Đồng (Cu)/*Copper (Cu) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	1
11.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/ *Zinc (Zn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
12.	Hàm lượng Natri (Na)/ *Sodium (Na) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	20,3	-	200

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
13.	Hàm lượng Mangan (Mn)/*Manganese (Mn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	0,086	-	0,1
14.	Hàm lượng Nhôm (Al)/ *Aluminum (Al) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,08	-	0,2
15.	Hàm lượng Niken (Ni)/ *Nickel (Ni) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
16.	Hàm lượng Sắt (Fe)/ *Iron (Fe) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,3
17.	Hàm lượng Selen (Se)/*Selenium (Se) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,04
18.	Hàm lượng Clorua/ *Chloride content*	SMEWW 4500- Cl B:2023(a)	mg/L	58,8	-	250 (hoặc 300)
19.	Độ cứng/*Hardness*	SMEWW 2340C:2023(a)	$mgCaCO_3/l$	112	-	300
20.	Hàm lượng florua (F-)/ *Flouride (F-) content*	SMEWW 4500 (F-)-D:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5
21.	Hàm lượng Nitrat/ *Nitrate content*	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	11
22.	Hàm lượng Nitrit/*Nitrite content*	TCVN 6178:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,9
23.	Hàm lượng Sunfat (SO_4^{2-})/ *Sulfate content*	SMEWW 2- 4500 (SO4) - E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	12,5	250
24.	Hàm lượng Sunfua/*Sulfide content*	TCVN 6637:2000(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	250
25.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/ *Total Dissolved Solids (TDS)*	SMEWW 2540C:2023(a)	mg/L	283	-	1000
26.	Hàm lượng Cyanua tổng/ *Total cyanide content*	SMEWW 4500-CN— E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,05
27.	1,1,1-Trichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	2000
28.	1,2-Dichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	30

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
29.	1,2-Dicloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	50
30.	Tetrachlorocarbon	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	2	2
31.	Dichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
32.	Tetrachloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
33.	Trichloroethene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	8	8
34.	Vinyl clorua/Vinyl chloride	US EPA 8260D (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD=0,07	0,3
35.	Benzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
36.	Ethylbenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
37.	Styrene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
38.	Toluene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	700
39.	Xylene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	500
40.	1,2-Dichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	1000
41.	Monochlorobenzene	VLAB-CH-TP-639 (a)	µg/L	KPH/ND	10	300
42.	Hexaclorobutadiene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
43.	1,2-Dibromo-3-Chloropropane	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
44.	1,2-Dichloropropane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
45.	1,3-Dichloropropene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
46.	Dichloprop	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	100

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
47.	Mecoprop	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
48.	Hydroxyatrazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	10	200
49.	Cyanazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
50.	Bromodichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	60
51.	Bromoform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
52.	Chloroform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
53.	Dibromoacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	70
54.	Dibromochloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
55.	Dichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
56.	Dichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	50
57.	Monochloramine	TCVN 6225-2:2021 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 20	3000
58.	Monochloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	20
59.	Trichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	200
60.	Trichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
61.	Acrylamide	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,5
62.	Epichlorohydrin	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,4
63.	Isoproturon	VLAB-CH-TP-674	µg/L	KPH/ND	9	9

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
64.	Pentachlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	9
65.	Fenoprop	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	9	9
66.	MCPA (2-methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	2	2
67.	2,4-D	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
68.	2,4 DB	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	90
69.	Aldicarb	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
70.	Carbofuran	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	5	5
71.	Trichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
72.	Alachlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
73.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
74.	Chlorpyrifos	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
75.	Chlordane	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	0,2	0,2
76.	Chlorotoluron	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	10	30
77.	DDT và các dẫn xuất/*DDT and derivatives*	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	1	1
78.	Methoxychlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
79.	Molinate	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	6	6
80.	Pendimethalin	VLAB-CH-TP-614(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
81.	Permethrin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
82.	Propanil	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
83.	Simazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	2	2
84.	Trifluralin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
85.	2,4,6-Trichlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	200
86.	Bromate	HD.TN.406: 2023 (LC/MS/MS) (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 1,5	10
87.	Formaldehyde	QUATEST3 1225:2024 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 100	500
88.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 6053:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,02	0,1
89.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 6219:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,3	1,0

Ghi chú/ *Remark(s)*: Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ *For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.*

(*) Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT do khách hàng yêu cầu viện dẫn
Kết luận: Báo cáo kết quả thử nghiệm này có các chỉ tiêu đã phù hợp theo: QCVN 01-1:2024/BYT

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VietLabs
Your Trusted Partner

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260723-069/6-V1/2

Ngày phát hành/ *Issue date* : 17/08/2026
Trang/ *Page* : 1/7

Tên khách hàng/ *Company*(1):	**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC HẬU GIANG**
Địa chỉ/ *Address*(1):	Số 46A, đường Ngô Quốc Trị, Khu Vực 9, Phường Vị Tân, Thành phố Cần Thơ
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*:	23/07/2026
Thời gian thử nghiệm/ *Testing period*:	23/07/2026 đến 08/08/2026
Tên mẫu/ *Sample Name*(1):	**NƯỚC SẠCH - TRẠM CẤP NƯỚC TÂN BÌNH - Địa chỉ: Ấp Tân Long A, xã Tân Bình, Thành phố Cần Thơ (Hộ dân: Lữ Thị Cúc – Địa chỉ: 10/18/15 Hẻm 1, Ấp Hòa Phụng B, Xã Hòa An, Thành phố Cần Thơ)**
Mô tả mẫu/ *Sample description*:	Mẫu chứa trong can nhựa/ *Sample in plastic cans.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *TEST RESULTS*
[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

Ghi chú/ *Notes*:
(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.*
(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of Laboratory

Phạm Lê Tiến Khánh

Tổng giám đốc
General Director

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS

Nguyễn Quốc Toàn

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh	Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh *62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City*
Can Tho	Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ *LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City*
Bac Lieu	Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau *479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province*
Ca Mau	Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau *214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province*

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260723-069/6-V1/2

Ngày phát hành/ *Issue date* : 17/08/2026
Trang/ *Page* : 2/7

Kết quả/ *result*

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
1.	Định lượng *Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus*	SMEWW 9213B:2023(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
2.	Định lượng *Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa*	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
3.	Hàm lượng Antimon (Sb)/ *Antimon (Sb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,0014	-	0,02
4.	Hàm lượng Bari (Ba)/*Barium content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,024	-	1,3
5.	Hàm lượng Boron (B)/ *Boron (B) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,048	-	2,4
6.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/*Cadmium (Cd) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,003
7.	Hàm lượng Chì (Pb)/ *Lead (Pb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
8.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/ *Mercury (Hg) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,001
9.	Hàm lượng Crom (Cr)/*Chromium (Cr) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,05
10.	Hàm lượng Đồng (Cu)/*Copper (Cu) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	1
11.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/ *Zinc (Zn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
12.	Hàm lượng Natri (Na)/ *Sodium (Na) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	20,6	-	200

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
13.	Hàm lượng Nhôm (Al)/ *Aluminum (Al) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,08	-	0,2
14.	Hàm lượng Niken (Ni)/ *Nickel (Ni) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
15.	Hàm lượng Sắt (Fe)/ *Iron (Fe) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,3
16.	Hàm lượng Selen (Se)/*Selenium (Se) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,04
17.	Hàm lượng Clorua/ *Chloride content*	SMEWW 4500- Cl B:2023(a)	mg/L	59,6	-	250 (hoặc 300)
18.	Độ cứng/*Hardness*	SMEWW 2340C:2023(a)	$mgCaCO_3/l$	112	-	300
19.	Hàm lượng florua (F-)/ *Flouride (F-) content*	SMEWW 4500 (F-)-D:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5
20.	Hàm lượng Nitrat/ *Nitrate content*	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	11
21.	Hàm lượng Nitrit/*Nitrite content*	TCVN 6178:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,9
22.	Hàm lượng Sunfat (SO_4^{2-})/ *Sulfate content*	SMEWW 2- 4500 (SO4) - E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	12,5	250
23.	Hàm lượng Sunfua/*Sulfide content*	TCVN 6637:2000(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	250
24.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/ *Total Dissolved Solids (TDS)*	SMEWW 2540C:2023(a)	mg/L	284	-	1000
25.	Hàm lượng Cyanua tổng/ *Total cyanide content*	SMEWW 4500-CN— E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,05
26.	1,1,1-Trichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	2000
27.	1,2-Dichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
28.	1,2-Dicloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	50

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
29.	Tetrachlorocarbon	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	2	2
30.	Dichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
31.	Tetrachloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
32.	Trichloroethene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	8	8
33.	Vinyl clorua/Vinyl chloride	US EPA 8260D (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD=0,07	0,3
34.	Benzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
35.	Ethylbenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
36.	Styrene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
37.	Toluene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	700
38.	Xylene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	500
39.	1,2-Dichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	1000
40.	Monochlorobenzene	VLAB-CH-TP-639 (a)	µg/L	KPH/ND	10	300
41.	Hexaclorobutadiene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
42.	1,2-Dibromo-3-Chloropropane	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
43.	1,2-Dichloropropane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
44.	1,3-Dichloropropene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
45.	Dichloprop	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
46.	Mecoprop	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01,	µg/L	KPH/ND	10	10

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
		BS EN 15662:2008)(a)				
47.	Hydroxyatrazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	10	200
48.	Cyanazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
49.	Bromodichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	60
50.	Bromoform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
51.	Chloroform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
52.	Dibromoacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	70
53.	Dibromochloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
54.	Dichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
55.	Dichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	50
56.	Monochloramine	TCVN 6225-2:2021 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 20	3000
57.	Monochloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	20
58.	Trichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	200
59.	Trichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
60.	Acrylamide	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,5
61.	Epichlorohydrin	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,4
62.	Isoproturon	VLAB-CH-TP-674	µg/L	KPH/ND	9	9

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
63.	Pentachlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	9
64.	Fenoprop	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	9	9
65.	MCPA (2-methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	2	2
66.	2,4-D	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
67.	2,4 DB	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	90
68.	Aldicarb	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
69.	Carbofuran	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	5	5
70.	Trichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
71.	Alachlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
72.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
73.	Chlorpyrifos	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
74.	Chlordane	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	0,2	0,2
75.	Chlorotoluron	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	10	30
76.	DDT và các dẫn xuất/*DDT and derivatives*	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	1	1
77.	Methoxychlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
78.	Molinate	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	6	6
79.	Pendimethalin	VLAB-CH-TP-614(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
80.	Permethrin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
81.	Propanil	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
82.	Simazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	2	2
83.	Trifluralin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
84.	2,4,6-Trichlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	200
85.	Bromate	HD.TN.406: 2023 (LC/MS/MS) (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 1,5	10
86.	Formaldehyde	QUATEST3 1225:2024 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 100	500
87.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 6053:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,02	0,1
88.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 6219:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,3	1,0

Ghi chú/ *Remark(s)*: Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ *For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.*

(*) Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT do khách hàng yêu cầu viện dẫn
Kết luận: Báo cáo kết quả thử nghiệm này có các chỉ tiêu đã phù hợp theo: QCVN 01-1:2024/BYT

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh	Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh *62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City*
Can Tho	Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ *LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City*
Bac Lieu	Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau *479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province*
Ca Mau	Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau *214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province*

VietLabs
Your Trusted Partner

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260723-069/1

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 1/7

Tên khách hàng/ *Company*(1):	**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC HẬU GIANG**
Địa chỉ/ *Address*(1):	Số 46A, đường Ngô Quốc Trị, Khu Vực 9, Phường Vị Tân, Thành phố Cần Thơ
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*:	23/07/2026
Thời gian thử nghiệm/ *Testing period*:	23/07/2026 đến 08/08/2026
Tên mẫu/ *Sample Name*(1):	**NƯỚC SẠCH - TRẠM CẤP NƯỚC MỘT NGÀN - Địa chỉ: Đường Nguyễn Trung Trực, Ấp Nhơn Thuận 1A, Xã Tân Hòa, Thành phố Cần Thơ**
Mô tả mẫu/ *Sample description*:	Mẫu chứa trong can nhựa/ *Sample in plastic cans.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *TEST RESULTS*

[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

Ghi chú/ *Notes*:

(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*

(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*

(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*

(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*

(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*

(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.*

(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*

Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of Laboratory

Phạm Lê Tiến Khánh

Tổng giám đốc
General Director

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS

Nguyễn Quốc Toàn

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh	Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh *62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City*
Can Tho	Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ *LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City*
Bac Lieu	Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau *479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province*
Ca Mau	Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau *214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province*

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260723-069/1

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 2/7

Kết quả/ *result*

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
1.	Định lượng *Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus*	SMEWW 9213B:2023(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
2.	Định lượng *Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa*	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
3.	Hàm lượng Antimon (Sb)/ *Antimon (Sb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,0015	-	0,02
4.	Hàm lượng Bari (Ba)/*Barium content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,031	-	1,3
5.	Hàm lượng Boron (B)/ *Boron (B) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,051	-	2,4
6.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/*Cadmium (Cd) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,003
7.	Hàm lượng Chì (Pb)/ *Lead (Pb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
8.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/ *Mercury (Hg) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,001
9.	Hàm lượng Crom (Cr)/*Chromium (Cr) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,05
10.	Hàm lượng Đồng (Cu)/*Copper (Cu) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	1
11.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/ *Zinc (Zn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
12.	Hàm lượng Natri (Na)/ *Sodium (Na) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	18,5	-	200

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
13.	Hàm lượng Mangan (Mn)/*Manganese (Mn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,05	0,1
14.	Hàm lượng Nhôm (Al)/ *Aluminum (Al) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,07	0,2
15.	Hàm lượng Niken (Ni)/ *Nickel (Ni) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
16.	Hàm lượng Sắt (Fe)/ *Iron (Fe) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,3
17.	Hàm lượng Selen (Se)/*Selenium (Se) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,04
18.	Hàm lượng Clorua/ *Chloride content*	SMEWW 4500- Cl B:2023(a)	mg/L	47,5	-	250 (hoặc 300)
19.	Độ cứng/*Hardness*	SMEWW 2340C:2023(a)	$mgCaCO_3/l$	113	-	300
20.	Hàm lượng florua (F-)/ *Flouride (F-) content*	SMEWW 4500 (F-)-D:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5
21.	Hàm lượng Nitrat/ *Nitrate content*	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	11
22.	Hàm lượng Nitrit/*Nitrite content*	TCVN 6178:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,9
23.	Hàm lượng Sunfat (SO_4^{2-})/ *Sulfate content*	SMEWW 2- 4500 (SO4) - E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	12,5	250
24.	Hàm lượng Sunfua/*Sulfide content*	TCVN 6637:2000(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	250
25.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/ *Total Dissolved Solids (TDS)*	SMEWW 2540C:2023(a)	mg/L	277	-	1000
26.	Hàm lượng Cyanua tổng/ *Total cyanide content*	SMEWW 4500-CN— E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,05
27.	1,1,1-Trichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	2000
28.	1,2-Dichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	30

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260723-069/1

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 4/7

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
29.	1,2-Dicloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	50
30.	Tetrachlorocarbon	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	2	2
31.	Dichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
32.	Tetrachloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
33.	Trichloroethene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	8	8
34.	Vinyl clorua/Vinyl chloride	US EPA 8260D (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD=0,07	0,3
35.	Benzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
36.	Ethylbenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
37.	Styrene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
38.	Toluene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	700
39.	Xylene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	500
40.	1,2-Dichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	1000
41.	Monochlorobenzene	VLAB-CH-TP-639 (a)	µg/L	KPH/ND	10	300
42.	Hexaclorobutadiene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
43.	1,2-Dibromo-3-Chloropropane	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
44.	1,2-Dichloropropane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
45.	1,3-Dichloropropene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
46.	Dichloprop	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	100

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
47.	Mecoprop	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
48.	Hydroxyatrazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	10	200
49.	Cyanazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
50.	Bromodichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	60
51.	Bromoform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
52.	Chloroform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
53.	Dibromoacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	70
54.	Dibromochloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
55.	Dichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
56.	Dichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	50
57.	Monochloramine	TCVN 6225-2:2021 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 20	3000
58.	Monochloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	20
59.	Trichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	200
60.	Trichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
61.	Acrylamide	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,5
62.	Epichlorohydrin	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,4
63.	Isoproturon	VLAB-CH-TP-674	µg/L	KPH/ND	9	9

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
64.	Pentachlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	9
65.	Fenoprop	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	9	9
66.	MCPA (2-methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	2	2
67.	2,4-D	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
68.	2,4 DB	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	90
69.	Aldicarb	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
70.	Carbofuran	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	5	5
71.	Trichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
72.	Alachlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
73.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
74.	Chlorpyrifos	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
75.	Chlordane	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	0,2	0,2
76.	Chlorotoluron	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	10	30
77.	DDT và các dẫn xuất/*DDT and derivatives*	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	1	1
78.	Methoxychlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ *No.*: VLAB0-260723-069/1

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 7/7

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
79.	Molinate	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	6	6
80.	Pendimethalin	VLAB-CH-TP-614(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
81.	Permethrin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
82.	Propanil	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
83.	Simazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	2	2
84.	Trifluralin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
85.	2,4,6-Trichlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	200
86.	Bromate	HD.TN.406: 2023 (LC/MS/MS) (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 1,5	10
87.	Formaldehyde	QUATEST3 1225:2024 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 100	500
88.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 6053:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,02	0,1
89.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 6219:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,3	1,0

Ghi chú/ *Remark(s)*: Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ *For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.*

(*) Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT do khách hàng yêu cầu viện dẫn
Kết luận: Báo cáo kết quả thử nghiệm này có các chỉ tiêu đã phù hợp theo: QCVN 01-1:2024/BYT

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

VALAS 160

VietLabs
Your Trusted Partner

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh	Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh *62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City*
Can Tho	Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ *LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City*
Bac Lieu	Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau *479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province*
Ca Mau	Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau *214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province*

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VietLabs
Your Trusted Partner

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260723-069/2

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 1/7

Tên khách hàng/ *Company*(1):	**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC HẬU GIANG**
Địa chỉ/ *Address*(1):	Số 46A, đường Ngô Quốc Trị, Khu Vực 9, Phường Vị Tân, Thành phố Cần Thơ
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*:	23/07/2026
Thời gian thử nghiệm/ *Testing period*:	23/07/2026 đến 08/08/2026
Tên mẫu/ *Sample Name*(1):	**NƯỚC SẠCH - TRẠM CẤP NƯỚC MỘT NGÀN - Địa chỉ: Đường Nguyễn Trung Trực, Ấp Nhơn Thuận 1A, Xã Tân Hòa, Thành phố Cần Thơ (Hộ dân: Nguyễn Thanh Long – Địa chỉ: Đường công vụ Trầu Hôi, Ấp Nhơn Thuận, Xã Tân Hòa, Thành phố Cần Thơ)**
Mô tả mẫu/ *Sample description*:	Mẫu chứa trong can nhựa/ *Sample in plastic cans*.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *TEST RESULTS*
[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

Ghi chú/ *Notes*:
(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.*
(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of Laboratory

Phạm Lê Tiến Khánh

Tổng giám đốc
General Director

M.S.D.N: 0316652523 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS P. LONG TRƯỜNG - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Quốc Toàn

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260723-069/2

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 2/7

Kết quả/ *result*

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
1.	Định lượng *Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus*	SMEWW 9213B:2023(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
2.	Định lượng *Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa*	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
3.	Hàm lượng Antimon (Sb)/ *Antimon (Sb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,0024	-	0,02
4.	Hàm lượng Bari (Ba)/*Barium content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,041	-	1,3
5.	Hàm lượng Boron (B)/ *Boron (B) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,024	-	2,4
6.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/*Cadmium (Cd) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,003
7.	Hàm lượng Chì (Pb)/ *Lead (Pb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
8.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/ *Mercury (Hg) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,001
9.	Hàm lượng Crom (Cr)/*Chromium (Cr) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,05
10.	Hàm lượng Đồng (Cu)/*Copper (Cu) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	1
11.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/ *Zinc (Zn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
12.	Hàm lượng Natri (Na)/ *Sodium (Na) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	11,1	-	200

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
13.	Hàm lượng Mangan (Mn)/*Manganese (Mn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,05	0,1
14.	Hàm lượng Nhôm (Al)/ *Aluminum (Al) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,07	0,2
15.	Hàm lượng Niken (Ni)/ *Nickel (Ni) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
16.	Hàm lượng Sắt (Fe)/ *Iron (Fe) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,3
17.	Hàm lượng Selen (Se)/*Selenium (Se) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,04
18.	Hàm lượng Clorua/ *Chloride content*	SMEWW 4500- Cl B:2023(a)	mg/L	32,3	-	250 (hoặc 300)
19.	Độ cứng/*Hardness*	SMEWW 2340C:2023(a)	$mgCaCO_3/l$	82	-	300
20.	Hàm lượng florua (F-)/ *Flouride (F-) content*	SMEWW 4500 (F-)-D:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5
21.	Hàm lượng Nitrat/ *Nitrate content*	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	11
22.	Hàm lượng Nitrit/*Nitrite content*	TCVN 6178:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,9
23.	Hàm lượng Sunfat (SO_4^{2-})/ *Sulfate content*	SMEWW 2- 4500 (SO4) - E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	12,5	250
24.	Hàm lượng Sunfua/*Sulfide content*	TCVN 6637:2000(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	250
25.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/ *Total Dissolved Solids (TDS)*	SMEWW 2540C:2023(a)	mg/L	193	-	1000
26.	Hàm lượng Cyanua tổng/ *Total cyanide content*	SMEWW 4500-CN— E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,05
27.	1,1,1-Trichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	2000
28.	1,2-Dichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	30

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
29.	1,2-Dicloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	50
30.	Tetrachlorocarbon	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	2	2
31.	Dichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
32.	Tetrachloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
33.	Trichloroethene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	8	8
34.	Vinyl clorua/Vinyl chloride	US EPA 8260D (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD=0,07	0,3
35.	Benzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
36.	Ethylbenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
37.	Styrene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
38.	Toluene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	700
39.	Xylene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	500
40.	1,2-Dichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	1000
41.	Monochlorobenzene	VLAB-CH-TP-639 (a)	µg/L	KPH/ND	10	300
42.	Hexaclorobutadiene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
43.	1,2-Dibromo-3-Chloropropane	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
44.	1,2-Dichloropropane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
45.	1,3-Dichloropropene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
46.	Dichloprop	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	100

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
47.	Mecoprop	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
48.	Hydroxyatrazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	10	200
49.	Cyanazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
50.	Bromodichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	60
51.	Bromoform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
52.	Chloroform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
53.	Dibromoacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	70
54.	Dibromochloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
55.	Dichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
56.	Dichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	50
57.	Monochloramine	TCVN 6225-2:2021 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 20	3000
58.	Monochloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	20
59.	Trichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	200
60.	Trichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
61.	Acrylamide	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,5
62.	Epichlorohydrin	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,4
63.	Isoproturon	VLAB-CH-TP-674	µg/L	KPH/ND	9	9

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
64.	Pentachlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	9
65.	Fenoprop	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	9	9
66.	MCPA (2-methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	2	2
67.	2,4-D	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
68.	2,4 DB	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	90
69.	Aldicarb	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
70.	Carbofuran	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	5	5
71.	Trichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
72.	Alachlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
73.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
74.	Chlorpyrifos	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
75.	Chlordane	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	0,2	0,2
76.	Chlorotoluron	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	10	30
77.	DDT và các dẫn xuất/*DDT and derivatives*	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	1	1
78.	Methoxychlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
79.	Molinate	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	6	6
80.	Pendimethalin	VLAB-CH-TP-614(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
81.	Permethrin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
82.	Propanil	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
83.	Simazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	2	2
84.	Trifluralin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
85.	2,4,6-Trichlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	200
86.	Bromate	HD.TN.406: 2023 (LC/MS/MS) (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 1,5	10
87.	Formaldehyde	QUATEST3 1225:2024 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 100	500
88.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 6053:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,02	0,1
89.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 6219:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,3	1,0

Ghi chú/ *Remark(s)*: Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ *For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.*

(*) Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT do khách hàng yêu cầu viện dẫn
Kết luận: Báo cáo kết quả thử nghiệm này có các chỉ tiêu đã phù hợp theo: QCVN 01-1:2024/BYT

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

VALAS 160

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh	Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh *62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City*
Can Tho	Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ *LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City*
Bac Lieu	Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau *479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province*
Ca Mau	Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau *214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province*

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260723-069/3

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 1/7

Tên khách hàng/ *Company*(1):	**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC HẬU GIANG**
Địa chỉ/ *Address*(1):	Số 46A, đường Ngô Quốc Trị, Khu Vực 9, Phường Vị Tân, Thành phố Cần Thơ
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*:	23/07/2026
Thời gian thử nghiệm/ *Testing period*:	23/07/2026 đến 08/08/2026
Tên mẫu/ *Sample Name*(1):	**NƯỚC SẠCH - TRẠM CẤP NƯỚC MỘT NGÀN - Địa chỉ: Đường Nguyễn Trung Trực, Ấp Nhơn Thuận 1A, Xã Tân Hòa, Thành phố Cần Thơ (Hộ dân: Lê Thanh Kiệt – Địa chỉ: Ấp Tân Thành, Xã Tân Bình, Thành phố Cần Thơ)**
Mô tả mẫu/ *Sample description*:	Mẫu chứa trong can nhựa/ *Sample in plastic cans.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *TEST RESULTS*
[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

Ghi chú/ *Notes*:
(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.*
(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of Laboratory

Phạm Lê Tiến Khánh

Tổng giám đốc
General Director

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS

Nguyễn Quốc Toàn

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh	Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh *62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City*
Can Tho	Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ *LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City*
Bac Lieu	Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau *479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province*
Ca Mau	Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau *214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province*

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260723-069/3

Ngày phát hành/ *Issue date* : 13/08/2026
Trang/ *Page* : 2/7

Kết quả/ *result*

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
1.	Định lượng *Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus*	SMEWW 9213B:2023(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
2.	Định lượng *Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa*	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
3.	Hàm lượng Antimon (Sb)/ *Antimon (Sb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,0013	-	0,02
4.	Hàm lượng Bari (Ba)/*Barium content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,032	-	1,3
5.	Hàm lượng Boron (B)/ *Boron (B) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	0,033	-	2,4
6.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/*Cadmium (Cd) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,003
7.	Hàm lượng Chì (Pb)/ *Lead (Pb) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
8.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/ *Mercury (Hg) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,001
9.	Hàm lượng Crom (Cr)/*Chromium (Cr) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,05
10.	Hàm lượng Đồng (Cu)/*Copper (Cu) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	1
11.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/ *Zinc (Zn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
12.	Hàm lượng Natri (Na)/ *Sodium (Na) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	17,8	-	200

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
13.	Hàm lượng Mangan (Mn)/*Manganese (Mn) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,05	0,1
14.	Hàm lượng Nhôm (Al)/ *Aluminum (Al) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,07	0,2
15.	Hàm lượng Niken (Ni)/ *Nickel (Ni) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
16.	Hàm lượng Sắt (Fe)/ *Iron (Fe) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,3
17.	Hàm lượng Selen (Se)/*Selenium (Se) content*	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,04
18.	Hàm lượng Clorua/ *Chloride content*	SMEWW 4500- Cl B:2023(a)	mg/L	45,7	-	250 (hoặc 300)
19.	Độ cứng/*Hardness*	SMEWW 2340C:2023(a)	$mgCaCO_3/l$	112	-	300
20.	Hàm lượng florua (F-)/ *Flouride (F-) content*	SMEWW 4500 (F-)-D:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5
21.	Hàm lượng Nitrat/ *Nitrate content*	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	11
22.	Hàm lượng Nitrit/*Nitrite content*	TCVN 6178:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,9
23.	Hàm lượng Sunfat (SO_4^{2-})/ *Sulfate content*	SMEWW 2- 4500 (SO4) - E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	12,5	250
24.	Hàm lượng Sunfua/*Sulfide content*	TCVN 6637:2000(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	250
25.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/ *Total Dissolved Solids (TDS)*	SMEWW 2540C:2023(a)	mg/L	271	-	1000
26.	Hàm lượng Cyanua tổng/ *Total cyanide content*	SMEWW 4500-CN— E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,05
27.	1,1,1-Trichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	2000
28.	1,2-Dichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	30

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
29.	1,2-Dicloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	50
30.	Tetrachlorocarbon	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	2	2
31.	Dichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
32.	Tetrachloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
33.	Trichloroethene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	8	8
34.	Vinyl clorua/Vinyl chloride	US EPA 8260D (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD=0,07	0,3
35.	Benzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
36.	Ethylbenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
37.	Styrene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
38.	Toluene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	700
39.	Xylene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	500
40.	1,2-Dichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	1000
41.	Monochlorobenzene	VLAB-CH-TP-639 (a)	µg/L	KPH/ND	10	300
42.	Hexaclorobutadiene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
43.	1,2-Dibromo-3-Chloropropane	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
44.	1,2-Dichloropropane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
45.	1,3-Dichloropropene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
46.	Dichloprop	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	100

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
47.	Mecoprop	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
48.	Hydroxyatrazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	10	200
49.	Cyanazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
50.	Bromodichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	60
51.	Bromoform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
52.	Chloroform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
53.	Dibromoacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	70
54.	Dibromochloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
55.	Dichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
56.	Dichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	50
57.	Monochloramine	TCVN 6225-2:2021 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 20	3000
58.	Monochloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	20
59.	Trichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	200
60.	Trichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
61.	Acrylamide	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,5
62.	Epichlorohydrin	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,4
63.	Isoproturon	VLAB-CH-TP-674	µg/L	KPH/ND	9	9

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
64.	Pentachlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	9
65.	Fenoprop	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	9	9
66.	MCPA (2-methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	2	2
67.	2,4-D	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
68.	2,4 DB	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	90
69.	Aldicarb	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
70.	Carbofuran	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	5	5
71.	Trichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
72.	Alachlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
73.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
74.	Chlorpyrifos	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
75.	Chlordane	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	0,2	0,2
76.	Chlorotoluron	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	10	30
77.	DDT và các dẫn xuất/*DDT and derivatives*	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	1	1
78.	Methoxychlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(*)
79.	Molinate	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	6	6
80.	Pendimethalin	VLAB-CH-TP-614(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
81.	Permethrin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
82.	Propanil	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
83.	Simazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	2	2
84.	Trifluralin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
85.	2,4,6-Trichlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	200
86.	Bromate	HD.TN.406: 2023 (LC/MS/MS) (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 1,5	10
87.	Formaldehyde	QUATEST3 1225:2024 (s) (a)	µg/L	KPH/ND	LOD = 100	500
88.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 6053:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,02	0,1
89.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 6219:2011 (s)	Bq/L	KPH/ND	LOD=0,3	1,0

Ghi chú/ *Remark(s)*: Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ *For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.*

(*) Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT do khách hàng yêu cầu viện dẫn
Kết luận: Báo cáo kết quả thử nghiệm này có các chỉ tiêu đã phù hợp theo: QCVN 01-1:2024/BYT

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

VALAS 160

VietLabs
Your Trusted Partner

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh	Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh *62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City*
Can Tho	Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ *LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City*
Bac Lieu	Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau *479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province*
Ca Mau	Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau *214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province*